

TRẦN VĂN HƯƠNG: KẺ SĨ MIỀN NAM

Trần Đông Phong

Có một vài người bạn trẻ hỏi người viết về một số nhân vật ở Miền Nam Việt Nam trước năm 1975 và đặc biệt là ông Trần Văn Hương, vị tổng thống hợp hiến, hợp pháp cuối cùng của chế độ Việt Nam Cộng Hoà mà họ biết rất ít hoặc không biết gì về nhân vật này.

Người viết cũng không biết gì nhiều về Cụ Trần Văn Hương, tuy nhiên đã cố gắng sưu tầm tài liệu, ghi chép lại những chuyện viết về Cụ trong các sách báo, hồi ký đã xuất bản, hỏi han một số người biết về Cụ hiện đang còn sống để viết lại tài liệu này.

Người viết biết rằng những chi tiết về Cụ Trần Văn Hương vẫn còn có nhiều thiếu sót và ước mong quý bậc tôn trưởng bổ khuyết thêm sau này.

Sau khi Hiệp Định Genève về Đông Dương được ký kết vào ngày 20 tháng 7 năm 1954, nước Việt Nam bị chia đôi, miền Bắc vĩ-tuyến 17 dưới quyền lãnh đạo của Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà và miền Nam thì dưới quyền lãnh đạo của Chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Như vậy, sau nước Đức và Hàn Quốc hay Triều Tiên, Việt Nam là quốc gia thứ ba trên thế giới bị chia cắt làm đôi và được cộng đồng thế giới thừa nhận nằm trong tình trạng “*một nước, hai quốc gia.*”

Kể từ ngày 8 tháng 3 năm 1949, khi Tổng Thống Pháp Vincent Auriol ký kết Hiệp ước Élysée với Cựu Hoàng Bảo Đại trao trả nền độc lập cho Quốc Gia Việt Nam, cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi Việt Nam Cộng Hòa bị Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm, Miền Nam Việt Nam có tất cả là 7 vị quốc trưởng: Quốc Trưởng Bảo Đại, bị Thủ Tướng Ngô Đình Diệm “*truất phế*” ngày 23 tháng 10 năm 1955; Tổng Thống Ngô Đình Diệm, bị các tướng lãnh “*đảo chánh*” ngày 1 tháng 11 năm 1963; Trung tướng Dương Văn Minh, bị Trung Tướng Nguyễn Khánh “*chỉnh lý*” ngày 30 tháng 1 năm 1964; Cựu Phan Khắc Sửu được Thượng Hội Đồng Quốc Gia “*tuyển nhiệm*” làm Quốc Trưởng Việt Nam Cộng Hòa ngày 26 tháng 10 năm 1964; Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu được Hội Đồng Quân Lực “*đề cử*” làm Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia vào ngày 14 tháng 6 năm 1965, sau đó đắc cử Tổng thống từ tháng 9 năm 1967 cho đến khi từ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 1975 và “*nhường chức*” lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương. Tổng Thống Trần Văn Hương từ chức ngày 28 tháng 4 năm 1975, “*trao quyền*” tổng thống Việt Nam Cộng Hòa cho Đại Tướng Dương Văn Minh rồi ông Minh đầu hàng Cộng Sản Bắc Việt ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Trong số 7 người lãnh đạo nói trên, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu là người cầm quyền lâu nhất, từ tháng 6/1965 cho đến ngày ông từ chức tối 21/4/1975, tức là được 9 năm 10 tháng; kế đó là Tổng Thống Ngô Đình Diệm, từ ngày 7/7/1954 cho đến ngày ông bị quân đội đảo chánh và bị giết chết sáng ngày 2/11/1963, tức là được 9 năm 4 tháng và người nắm giữ chức vụ tổng thống hợp hiến, hợp pháp cuối cùng của Miền Nam Việt Nam là Cựu Trần Văn Hương, chỉ vốn vẹn có 7 ngày, từ tối 21/4/1975 cho đến tối ngày 28/4/1975.

Trong số 7 người lãnh đạo nói trên, Quốc Trưởng Bảo Đại, Đại tướng Dương Văn Minh, Đại tướng Nguyễn Khánh và Cựu Phan Khắc Sửu là những người đứng đầu các *chính quyền thực tại* (de facto) không có hiến pháp, chỉ có Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Tổng Thống Trần Văn Hương là những người lãnh đạo các *chính quyền hợp pháp do dân bầu lên* (de jure) dưới hai thời Đệ Nhất Cộng Hòa, từ 26 tháng 10 năm 1956 đến 2 tháng 11 năm 1963 và thời Đệ Nhị Cộng Hòa, từ ngày 31 tháng 10 năm 1967, khi ông Nguyễn Văn Thiệu chính thức tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống VNCH theo Hiến Pháp ban hành ngày 1 tháng 4 năm 1967, cho đến 30 tháng 4 năm 1975.

Trong số 7 người lãnh đạo nói trên, Quốc Trưởng Bảo Đại, Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu là người miền Trung, bốn vị còn lại đều là người miền Nam.

Thông thường thì khi các nhà lãnh đạo không còn nắm chính quyền và đôi khi ngay cả lúc họ còn nắm chính quyền, bao giờ họ cũng bị lời chê nhiều hơn tiếng khen, bao giờ họ cũng bị người ghét nhiều hơn là thương ngay cả trên chính nơi quê hương sinh quán của họ. Trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 23 tháng 10 năm 1955, theo báo cáo của chính quyền tại Huế, hơn 98 phần trăm cử tri tại cố đô đã không bầu cho Quốc Trưởng Bảo Đại dù rằng giòng họ của ông đã trị vì tại Miền Nam hơn mấy trăm năm, dù rằng ông đã giữ ngôi vị hoàng đế lẫn quốc trưởng trên mấy chục năm. Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm sinh trưởng tại Huế, vậy mà ông vẫn bị người Huế chỉ trích nặng nề, phong trào chống đối ông phát xuất ngay tại Huế rồi lan vào miền Nam để rồi ông bị các tướng lãnh lật đổ và cả ông lẫn bào đệ của ông bị giết rất thê thảm trong chiếc thiết vận xa M-113 ngày 2-11-63. Cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu là người Phan Rang, vậy mà sau này vẫn bị nhiều người, kể cả người Phan Rang, điệu cợt gọi ông là ... “*Chế Bồng Thiệu*,” mộ phần của thân phụ ông nghe nói cũng bị một số người địa phương dùng xe ủi đất cày lên trong những ngày cuối cùng vào tháng 4 năm 1975.

Trong số bảy người lãnh đạo Miền Nam nói trên, có một người đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như hai lần làm đô trưởng Saigon, hai lần làm thủ tướng, rồi thượng nghị sĩ, phó tổng thống và tổng thống trong một khoảng thời gian tổng cộng trên bảy năm trời, vậy mà ngay cả khi đang nắm giữ chính quyền cũng như sau khi từ trần cách đây hơn hai mươi năm, bao giờ ông cũng được hầu hết người dân miền Nam, từ miền Đông đến miền Tây, từ Tiền giang đến Hậu giang, từ Đồng Tháp cho đến tận mũi Cà Mau, ai ai cũng đều hết lòng mến thương và kính trọng, không hề có một lời chê trách hay bất kính.

Người đó là Cụ Trần Văn Hương.

*

*

*

TRẦN VĂN HƯƠNG, MỘT NGƯỜI BÌNH THƯỜNG

Trần Văn Hương không phải là một nhà cách mạng, ông không phải là một nhà chí sĩ, ông cũng không phải là một nhà chính trị, ông chỉ là một con người bình thường như những người Việt Nam bình thường khác, chào đời vào những năm đầu của thế kỷ thứ hai mươi dưới thời thực dân Pháp còn đô hộ Việt Nam.

Trong bài diễn văn đọc nhân ngày giỗ của Cụ Trần Văn Hương tại San Jose ngày 15 tháng 3 năm 1998, Giáo sư Đỗ Bá Khê, cựu Viện trưởng Đại Học Bách Khoa Thủ Đức, cựu Thứ trưởng Quốc gia Giáo Dục nói rằng Cụ Hương sinh năm 1903. Khi Cụ nhậm chức Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà ngày 21 tháng 4 năm 1975, bản tin của Việt Tấn

Xã nói rằng tân Tổng Thống 71 tuổi, như vậy thì căn cứ vào nguồn tin này, Cụ Trần Văn Hương ra đời năm 1904. Những người thân cận Cụ Trần Văn Hương có cho người viết biết rằng trên mọi giấy tờ, tất cả đều ghi là cụ sinh năm 1903.

Tuy nhiên, trong hai bài thơ “*Ngũ Thập Thất Tự Nhũ*” và “*Ngũ Thập Thất Cảm Tác*” trong tập thơ “*Bó Hoa Cuối Mùa*,” Cụ viết rằng:

“*Tối đêm 12 tháng 3 năm 1958, trời nóng bức, tôi bắc ghế nằm trước ngõ hẻm, chọt nghĩ dâu dâu, nghĩ nổi nước nhà, nghĩ cho thân thể, bất giác bùi ngùi thẹn tủi. Nhưng rồi lại tự nhũ mà cũng tự trào để tìm cái vui trong cảnh mình với đời. Tôi nghĩ ra bài thơ sau đây:*

NGŨ THẬP THẤT TỰ NHŨ
*Năm mươi bảy tuổi có bao lăm,
Còn bốn mươi ba mới đủ trăm.
Tóc dẫu hoa râm, răng vẫn cứng,
Lưng tuy đau thắt, nệm không nằm.
Chơi hoang chịu hắt thừng lanh gối,
Ăn vụng nhường cho chú móm cằm.
Trời dãi tới dâu, vui tới đó,
Hơi nào lo nghĩ chuyện xa xăm.*

NGŨ THẬP THẤT CẢM TÁC
*Mới năm mươi bảy đã bao là?
Thiếu bốn mươi ba nữ lặn mà!
Trí dẫu kém suy, thân dẫu mỏi,
Trời còn tươi sáng, đất còn xa.
Lóng câu nhân nghĩa tai chưa lãng,
Dòm cảnh phiền ba mắt lại loà.
Đời có phụ chi, dâu nở chán,
Thanh cao thì nguyệt, đẹp thì hoa.¹*

Nhiều người trong gia đình cũng nói là Cụ tuổi Nhâm Dần, vào năm 1958, Cụ được 57 tuổi (theo tuổi ta), như vậy thì Cụ phải sinh vào năm 1902. Trong tập thơ “*Lao Trung Lãn Vận*,” Cụ có cảm xúc làm bài thơ *Sinh Nhật Trong Tủ* vào ngày 1 tháng 12 năm 1960 như sau:

CHÚ THÍCH:

¹Trần Văn Hương: “*Bó Hoa Cuối Mùa*,” tác giả xuất bản, 1965, trang 32.

SINH NHẬT TRONG TÙ

*Có lẽ xưa kia vụng kiếp tu,
Hôm nay sinh nhật ở trong tù.
Đào dâng dưới gối: con đi vắng!
Rượu chúc trên tay: bạn chạy đâu?
Hạ thọ phải chãng trà một cốc,
Chúc từ chĩnh có chuyện vài câu.
Chẳng qua sự bởi do mình tạo,
Sao để thân làm đứa thất phu?*

(1-12-1960)

Vì mình là thằng thất phu, bất tài vô dụng, nên mới để bị bắt làm thân tù tội như thế này.²

Như vậy thì căn cứ vào thi văn do chính Cụ cảm tác, Cụ Trần Văn Hương sinh ngày 1 tháng 12 năm 1902, tức là năm Nhâm Dần, tại xã Long Châu, quận Châu Thành tỉnh Vĩnh Long, trong vùng châu thổ sông Cửu Long. Cụ xuất thân trong một gia đình thanh bạch và lễ giáo gồm tất cả 11 người con và Cụ là con trưởng.

Khi còn nhỏ, Cụ Trần Văn Hương được học chữ Nho, chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp. Cụ là người chăm học, siêng năng, cần mẫn do đó sau khi học hết bậc tiểu học, Cụ được cấp học bổng để tiếp tục theo học bậc trung học tại trường Collège de Mỹ Tho, sau này là Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu. Ở trường, Cụ Trần Văn Hương là một học sinh xuất sắc và gương mẫu, trong gia đình Cụ là một người con được nổi tiếng là hiếu thảo, do đó ngay từ khi còn trẻ, Cụ đã được anh chị em, bà con xóm giềng cũng như bạn bè dành cho cảm tình rất sâu đậm. Theo lời của Giáo Sư Nguyễn Ngọc An kể lại thì “lúc thanh xuân, một hôm phạm lỗi, bị cha trách mắng, ông lấy roi dâng lên cho cha rồi leo lên bộ ván nằm dài xin được trị tội.”³ Sau khi học xong bậc trung học, Cụ lại được học bổng ra Hà Nội theo học trường Cao Đẳng Sư Phạm. Đó là một vinh dự lớn lao đối với một học sinh nhà nghèo mới tốt nghiệp trung học vì toàn cõi Đông Dương, lúc bấy giờ gọi là Đông Pháp, chỉ có một trường Cao Đẳng Sư Phạm duy nhất ở Hà Nội và mỗi năm chỉ có mấy chục sinh viên được tuyển chọn vào theo học trường này mà thôi.

Sau khi tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm vào năm 1926, Cụ được bổ nhiệm về dạy tại trường Collège de Mỹ Tho, sau này trở thành trường Trung học Nguyễn đình Chiểu, ngôi trường danh tiếng nhất miền Tiền Giang hồi bấy giờ. Một điểm rất đáng chú ý là khi về dạy trường Collège de Mỹ Tho, Cụ không chọn môn dạy là Pháp Văn, chuyên ngữ được chính thức dùng để giảng dạy trên toàn cõi Đông Dương mà Cụ lại chọn dạy môn Việt Văn, một môn phụ trong chương trình giáo dục lúc bấy giờ. Cho đến thập niên 1950, chương trình giáo dục chính thức ở Nam Phần, lúc đó còn gọi là Nam Kỳ, là

² Trần Văn Hương: “**Lao Trung Lĩnh Vận**,” tác giả xuất bản, 1964, tr.13.

³ Giáo sư Nguyễn Ngọc An (Cựu Tổng Trưởng Thông Tin và Chiêu Hồi): “**Cụ Trần Văn Hương**,” Báo Thời Luận (không rõ ngày tháng)

chương trình của người Pháp, do đó đa số người Việt ở Nam Kỳ nói và viết tiếng Pháp rất giỏi, không thua gì người Pháp, tuy nhiên tiếng Việt thì lại không lấy gì làm xuất sắc vì người miền Nam không được học nhiều về Việt văn. Trong hai thập niên 1920 và 1930, trừ cụ Hồ Biểu Chánh và nhà văn Phú Đức là người miền Nam, có thể nói gần như hầu hết các nhà văn, nhà báo ở Việt Nam đều là người miền Bắc và miền Trung. Vào thời bấy giờ, các học sinh tại Việt Nam đều được dạy dỗ rằng “*tổ tiên chúng ta là người Gaulois*” (*nos ancêtres sont des Gaulois*), cho nên khi chọn Việt văn, một môn phụ, để giảng dạy, Cụ đã cho thấy tâm ý của Cụ là dùng việc dạy tiếng Việt để dạy cho học sinh biết yêu tiếng Việt và có yêu tiếng Việt thì mới biết yêu nước Việt chứ không phải là nước của người Gaulois tức là người Pháp.

Ngoài sự đạo đức, cụ còn được biết là một người liêm khiết, không những trong thời gian làm đô trưởng, thủ tướng và Phó Tổng Thống sau này mà ngay cả lúc cụ còn đi dạy học.

Một cựu học sinh của cụ thời 1925-1929 có kể lại một câu chuyện sau đây:

“*Có lần một người quen nhiều ở Vĩnh Long ghé nhà nhờ Thầy giúp cho đút con thi vào trường Collège de Mỹ Tho. Ngày đăng kết quả, cậu con được chấm đậu. Kế đó, một hôm thầy đi vắng, người ấy đến cảm ơn ông, gửi lại một bao thơ dán kín, rồi lật đật ra về vì sợ bị trễ tàu. lát sau Thầy về, xé thơ, thấy có tiền, tức tốc đạp xe ra bến tàu. Tàu vừa rời bến. Ông vừa ngoắc vù kêu lớn cho tàu trở lại. Tin là khách đi trễ, tàu cặp bến lại. Thầy nhảy xuống, hoàn bao thơ cho người quen và bảo: “cháu nó tự nó đậu chứ không có ai giúp đỡ cả”, rồi nhảy lên bờ...”*⁴

Trong thời gian dạy học tại Mỹ Tho, lúc đó Nam Kỳ còn là thuộc địa của người Pháp, Cụ đã khơi động lòng yêu nước trong tâm hồn những học sinh trẻ tuổi và đã đào tạo được một số rất đông môn đệ, họ đã dành cho Cụ lòng quý mến và cảm tình vô cùng sâu đậm. Với tinh thần tôn sư trọng đạo truyền thống của người dân miền Nam, sự quý mến và cảm tình đó đã được lưu truyền đến thế hệ con em của họ, cho nên mấy thập niên sau, khi Cụ xuất chính thì giới người trẻ ủng hộ Cụ nồng nhiệt đều là con em của các cựu học sinh của Cụ ở trường *Collège de Mỹ Tho* thời thập niên 1920 và 1930. Có thể nói Cụ Trần Văn Hương rất hãnh diện đã giảng dạy môn Việt văn hồi đó cho nên đến năm 1964, khi cho xuất bản tập thơ “*Lao Trung Lãn Vận*,” Cụ đã cho in sau tên của tác giả: “*Trần Văn Hương, Nguyên Giáo sư Việt văn, Trường Trung Học Mỹ Tho.*”⁵

Cụ là người thuộc thành phần nông gia, nhờ may mắn mà được học bổng sang Mỹ Tho học bậc trung học, rồi cũng nhờ có khả năng và may mắn lại được học bổng ra Hà Nội học trường Cao Đẳng Sư Phạm, cho nên cụ không bao giờ có nhiều tham vọng, không

⁴ Phạm Văn Trọng, *Collège de Mỹ Tho 1925-1929*. Đặc san Hội Cựu Học sinh Nguyễn Đình Chiểu-Lê Ngọc Hân, California.

⁵ Trần Văn Hương: “*Lao Trung Lãn Vận*,” trang bìa.

mong ước được ăn trên ngai trước thiên hạ, không mong ước được quyền cao chức trọng, tuy nhiên cái tài cái đức của cụ đã được nhiều người biết đến do đó vào cuối thập niên 1930, Cụ được bổ nhiệm làm Thanh tra Tiểu học tỉnh Tây Ninh, người Việt Nam gọi là Đốc Học, với nhiệm vụ điều khiển và thanh tra tất cả các trường tiểu học trong toàn tỉnh này. Đó là chức vụ cao cấp nhất trong ngành giáo dục ở cấp tỉnh và đa số thì vẫn do người Pháp nắm giữ, chỉ có một số rất ít người Việt có nhiều khả năng, đức độ và uy tín lắm mới được cử giữ chức vụ này và Cụ là một trong những người đó. Trong thời gian làm Đốc Học ở Tây Ninh, Cụ đã được dân chúng, các học sinh, các vị giáo chức cũng như các chức sắc trong Tòa thánh Cao Đài rất mến mộ.

Cụ Trần Văn Hương có hai người con trai, người con lớn tên là Trần Văn Dõi và người con thứ là Trần Văn Đính. Ông Trần Văn Đính được sang du học tại Pháp, Đức và Anh Quốc vào cuối thập niên 1950 rồi trở về Việt Nam vào cuối thập niên 1960. Cụ Trần Văn Hương và người vợ của cụ đã “*thôi nhau*” tức là ly dị với nhau từ cuối thập niên 1930 và cụ sống một mình, không tái giá với ai cho đến khi qua đời. Bà vợ cũ của cụ khi lớn tuổi thì bị bệnh nan y và được cụ đưa về thuốc thang chăm sóc rồi khi bà qua đời lại được chính cụ, lúc bấy giờ làm Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà, đứng ra làm tang lễ rất trọng thể tại Sài Gòn.

Thứ nam của cụ là ông Trần Văn Đính sau khi từ Âu châu trở về đã làm phụ tá cho cụ từ khi cụ làm thủ tướng, thượng nghị sĩ và Phó Tổng Thống cho đến năm 1975. Hiện nay ông bà Trần Văn Đính đang sống tại miền Nam California, Hoa Kỳ.

Người con trưởng của cụ Trần Văn Hương: đảng viên Cộng sản

Người con trưởng của cụ là ông Trần Văn Dõi đã rời miền Nam ra Hà Nội vào năm 1946 và khi chiến tranh bùng nổ thì bị kẹt lại ngoài Bắc. Ông Trần Văn Đính cho người viết biết rằng gia đình ông không nhận được tin tức gì về anh Hai của ông cho đến khi cụ Trần Văn Hương làm thủ tướng lần thứ hai vào năm 1968 thì có một người Mỹ đến gặp ông, tự giới thiệu là người của CIA và cho ông biết rằng ông Trần Văn Dõi hiện vẫn còn sống và đang ở Hà Nội. Ông Đính nói rằng đó là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất từ khi ông Trần Văn Dõi ra Bắc, gia đình mới được nghe tin về ông anh của ông nhờ người Mỹ cho biết.

Người viết có hỏi ông Trần Văn Đính về chuyện báo chí Cộng sản ở Sài Gòn nói rằng ông Trần Văn Dõi có nhờ Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch mang một bức thư của ông từ Hà Nội gửi về Miền Nam cho Cụ Trần Văn Hương, tuy rằng Phạm Ngọc Thạch bị tử thương vào cuối năm 1968 nhưng có lời đồn đại trên báo chí nói rằng bức thư này đã được chuyển đến tay cụ Hương và ông Đính đã đề nghị đốt đi. Ông Đính trả lời rằng ông không biết cụ Hương có nhận được bức thư đó hay không vì cụ không hề nói với ông về lá thư này, ông không bao giờ được đọc bức thư đó thì làm sao mà ông có thể đề nghị đốt đi? Vả lại nếu lá thư đó chỉ là sự thăm hỏi của một người con với người cha thì trong

địa vị của một ông thủ tướng như thân phụ của ông lúc đó, ông có sợ ai nữa mà phải đi?

Báo chí Cộng sản trong nước sau này đã khai thác về nhân vật Trần Văn Dõi này và họ nói rằng ông Trần Văn Dõi đã đi ra Hà Nội với sứ mạng tiếp nhận vũ khí cho kháng chiến tại Nam Bộ. Ông Trần Văn Đính cho biết rằng điều đó không hề có vì lúc đó ông Trần Văn Dõi đã theo thân phụ rời bỏ kháng chiến trở về thành và anh Hai không còn liên lạc gì với Việt Minh nữa, ông Dõi muốn đi Hà Nội là để “*coi cho biết sinh hoạt chính trị*” tại Hà Nội mà thôi chứ không có nhận nhiệm vụ của ai để nhận vũ khí cả. Ông Trần Văn Đính cho người viết biết rằng ông Dõi phải đi vay tiền của bà chị của một người bạn để ông cùng với một người bạn khác của ông mua vé tàu thủy đi từ Vũng Tàu ra Hải Phòng. Theo lời ông Đính thì ông Dõi đã mượn tiền của cô Nguyễn Thi Giỏi, quê ở Tân An, một trong những người phụ nữ Việt Nam đầu tiên đậu bằng “*diplome*” tức là bằng Trung học Đệ Nhất cấp hồi đó. Cô Giỏi này là em gái của bà vợ nhỏ của ông Lê Văn Ty, sau này là Đại Tướng Lê Văn Ty, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà. Ông Đính nói rằng chính ông Đính đã đưa ông Trần Văn Dõi xuống Vũng Tàu để lên tàu Pasteur ra Bắc, cùng một chuyến tàu trên đó ông Phạm Văn Đồng cùng phái đoàn Việt Minh tham dự hội nghị Fontainebleau tại Pháp để trở về Hà Nội.

Ông Đính cho biết rằng khi đến Hà Nội, ông Trần Văn Dõi trú ngụ tại nhà ông Lê Văn Văn, giám đốc nhà xuất bản Tân Việt và ít lâu sau, vào ngày 19 tháng 12 năm 1945 thì kháng chiến chống Pháp bùng nổ và sau đó thì gia đình ông không còn được biết tin tức gì về ông Dõi nữa.

Theo tin tức do báo chí Cộng sản sau năm 1975 tiết lộ thì ông Trần Văn Dõi “*Tham gia kháng chiến, lấy tên là Lưu Vĩnh Châu theo họ mẹ và được bố trí vào đội tự vệ khu Bạch Mai tại Hà Nội. Đầu năm 1948, Lưu Vĩnh Châu được cử đi học trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn khoá 4 rồi sau đó tiếp tục học khoá về công binh rồi được kết nạp vào Đảng Cộng sản vào ngày 10 tháng 7 năm 1949. Đến tháng 12 năm 1952, ông được cử làm đại đội trưởng Đại Đội C57 tiểu đoàn 206 của Cục Công Binh và đơn vị của Dõi đảm nhiệm phá bom, chừa đường bảo đảm giao thông và vận chuyển vũ khí, lương thực từ biên giới Lạng Sơn về Thái Nguyên.*

Tháng 3 năm 1954, tiểu đoàn Công binh 206 được lệnh hành quân cấp tốc đi Điện Biên Phủ và đơn vị của Dõi được giao nhiệm vụ gỡ mìn, phá bom nổ chậm và đơn vị của Dõi bị thương vong rất nhiều. Năm 1961, Đại úy Lưu Vĩnh Châu được cử đi học trường Đại học Bách Khoa rồi sau đó vào năm 1966 chuyển ngành về công tác tại Ban Công Nghiệp. Bài báo này cho biết thêm vào năm 1968, khi nghe tin Thủ tướng Sài Gòn là ông Trần Văn Hương, Lưu Vĩnh Châu không biết Thủ Tướng Trần Văn Hương có phải là cha mình hay không và đã tìm gặp Ung Văn Khiêm, lúc đó đang giữ chức Bộ Trưởng Nội Vụ của Hà Nội để báo cáo với Đảng ông là con trai trưởng của ông Trần Văn Hương, thủ

*tướng chính phủ Sài Gòn. Ung Văn Khiêm chỉ thị cho Trần Văn Dõi không được tiết lộ chuyện này với ai trong chi bộ để khi cần, Đảng sẽ đưa ông vào Nam...”*⁶

Sau năm 1975, Cộng sản cho phép bà vợ của ông Trần Văn Dõi, cũng là một đảng viên Cộng sản, vào Sài Gòn và sống chung trong cùng nhà với Cụ Trần Văn Hương, không phải là để làm dâu mà để quan sát mọi hành động của cụ. Theo một bài báo của ông Xuân Ba đăng trên tờ Việt Báo tại Việt Nam về cuộc gặp gỡ giữa cụ Trần Văn Hương với ông Trần Văn Dõi ba năm sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì trong cuộc tái ngộ này, Cụ Trần Văn Hương đã nói với người con trai trưởng rằng: *“Ba đã lầm cũng như sau này lại lầm...”* Tác giả bài báo này ngụ ý nói rằng cụ Trần Văn Hương nói với con trai, một đảng viên Cộng sản, là ông đã lầm vì bỏ Việt Minh Cộng sản năm 1946 và ông cũng đã lầm khi chống lại Việt Cộng sau này. Người viết có hỏi ông Trần Văn Đính về việc này thì ông Đính nói rằng đó chỉ là một chuyện bịa đặt vì *“ông già của tôi đã từng chống lại Cộng sản từ năm 1946 và từ đó đến năm 1975 thì ai cũng biết ông già tôi ghét Cộng sản như thế nào. Khi anh Hai tôi về thì ông già tôi cũng đã quá lớn tuổi rồi, ông nói ông đã lầm vì lãnh đạo chính phủ chống lại Cộng sản thì ông được cái lợi gì? Tôi nghĩ rằng ông già tôi không bao giờ lại có thể nói như vậy!”*⁷

Cách đây khá lâu, nhà báo Phan Trần Hiếu của nhật báo Orange County Register có tiết lộ rằng ông cậu của anh, tức là cụ Trần Văn Hương chỉ ngồi trên lầu dành cho ông, không bao giờ bước xuống nhà dưới và không bao giờ nói chuyện với ai...”*“Ai”* ở đây tức là vợ chồng ông Trần Văn Dõi. Không rõ cuộc tái ngộ này giữa ông bố là cựu Tổng Thống VNCH và người con trưởng là một đảng viên Cộng sản đã diễn ra như thế nào, tuy nhiên ông Trần Văn Đính có cho người viết biết rằng cụ Hương *“không thuận”* với ông Dõi và cụ đã nhắn với ông Đính rằng *“thằng Hai nó là Cộng sản có sạn trong đầu rồi!”*. Cụ cũng đã nhắn nhủ với con cháu, bạn bè ở hải ngoại đừng có gửi quà cáp hay tiền bạc gì cho cụ vì cụ không muốn những món quà đó rơi vào tay bà con dâu Cộng sản. Sau khi cụ mất, gia đình ông Trần Văn Dõi đã chiếm căn nhà cụ Hương sinh sống từ năm 1969 và sau đó đã được *“hoá giá”* để trở thành nhà riêng rồi bán lại căn nhà do chính phủ VNCH cấp cho cựu Thủ Tướng Trần Văn Hương hồi năm 1969 rồi đi mua một căn nhà khác.

Gần đây có một viên chức cao cấp dưới thời Đệ Nhất Cộng Hoà đã viết một cuốn sách trong đó ông tố cáo rằng *“một đảng viên cao cấp của Cộng sản đã sống trong tư dinh của cụ Trần Văn Hương và hoạt động cho Cộng sản trong thời gian cụ làm thủ tướng và Phó Tổng Thống...Nhân vật này nêu đích danh người đó là Trần Văn Giỏi.”*

Lời tố cáo này cũng có phần đúng mà cũng có phần sai. Phần đúng là quả thật có một người mang tên Giỏi ra vào nhà cụ Hương và có khi cũng ra vào phủ thủ tướng hay là phủ Phó Tổng Thống, nhưng phần sai là nhân vật này lại tên là Lâm Văn Giỏi chứ

⁶ *“Trần Văn Dõi, con trai cả của ông Trần Văn Hương”*, <lichsviet.cjb.net/view.> ngày 17-3-2004.

⁷ Tiếp chuyện với ông Trần Văn Đính, tháng 5 năm 2009.

không phải là Trần Văn Dối, con trai của cụ Hương đã ra Bắc từ năm 1946 và đến năm 1977 mới được trở về Sài Gòn.

Nếu ai đã từng sống ở miền Tây trước năm 1945 thì đều biết ông Lâm Văn Giỏi tức là ông Sáu Giỏi, làm hội kế-viên (économe) của trường Collège de Cần Thơ hay là trường Trung Học Phan Thanh Giản tại Cần Thơ. Ông Lâm Văn Giỏi là em thứ Sáu của cụ Trần Văn Hương, tuy nhiên vì lúc nhỏ hay đau yếu bệnh hoạn gì đó cho nên gia đình phải gửi qua sống với ông cậu, vì vậy mà khi lớn lên thì phải lấy khai sinh thành họ Lâm của bên ngoại để đi học. Do đó sau này dù đã trưởng thành nhưng ông Giỏi vẫn cứ giữ họ Lâm, tuy nhiên những người quen biết gia đình cụ Hương đều biết rằng ông Lâm Văn Giỏi là em ruột của cụ Trần Văn Hương. Khi làm thủ tướng thì cụ có cho ông Lâm Văn Giỏi làm công cán ủy viên để giải quyết những chuyện thông thường do đó mà ông Sáu Giỏi thường hay lui tới Phủ Thủ Tướng với tư cách là công cán ủy viên hay là tư dinh của Thủ Tướng và về sau là Phó Tổng Thống Trần Văn Hương với tư cách là em ruột của cụ. Giáo sư Nguyễn Văn Trường, người đã hai lần giữ chức Tổng Trưởng Giáo Dục nói với người viết rằng ngày xưa ông là cựu học sinh trường Phan Thanh Giản cho nên biết rất rõ “*thầy Sáu Giỏi*” và có lần cụ Hương đã nói với ông rằng “*Qua rất thương thằng Sáu Giỏi*”.

Như vậy thì tin đồn nói rằng “*cán bộ Cộng sản ở trong nhà cụ Hương*” là một chuyện không hề đúng với sự thật.

THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Cho đến Mùa Thu năm 1945, Cụ Trần văn Hương chỉ là một con người Việt Nam bình thường cũng như bao nhiêu người khác hồi thời đó, tuy nhiên có điểm hơi khác với những người khác ở chỗ Cụ là người được hấp thụ cả hai nền văn hoá Đông và Tây phương, nhưng các giá trị Đông phương vẫn còn có nhiều ảnh hưởng trong con người của Cụ, do đó trong đời sống hằng ngày, từ tư tưởng, lối sống cũng như hành động, cái gì Cụ cũng giữ theo mẫu mực của những bậc chính nhân, đó là cố gắng làm điều ngay lẽ phải, không xu nịnh kẻ có quyền có thế, không ức hiếp kẻ thế cô và cố mang tài sức giúp người giúp đời...Nói tóm lại, cụ xử thế đúng như là sự giáo dục truyền thống Việt Nam dành cho thanh thiếu niên thời đó: làm người phải có nhân, phải có nghĩa, phải có lễ, phải có trí và phải có tín ..., do đó, Cụ đã được nhiều người, nhiều giới trong tỉnh dành cho nhiều cảm tình đặc biệt.

Rồi tháng 8 năm 1945, sau khi Nhật Bản bị hai trái bom nguyên tử và phải đầu hàng Đồng Minh, quân đội Anh dưới quyền của tướng Gracey đã vào Việt Nam để giải giới quân đội Nhật từ vĩ tuyến thứ 16 vào miền Nam và quân đội Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch giải giới quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra miền Bắc. Thực dân Pháp đã theo chân quân đội Anh trở lại Việt Nam và họ đã bắt tay với những thành phần đại diện cho các ngành hành chánh và quân đội thuộc địa cũng như giới tài phiệt để thực hiện tái lập chế độ thuộc địa mà họ đã bị Quân Đội Nhật Bản lật đổ ngày 9 tháng 3 năm 1945. Tại

Huế, ngày 25 tháng 8 năm 1945, sau khi Hoàng Đế Bảo Đại tuyên bố thoái vị “*thà làm dân một nước độc lập hơn là làm vua một nước nô lệ,*” nước Việt Nam tuyên bố độc lập và chủ quyền từ trung ương đến địa phương được dành lại trong tay người Pháp sau gần 100 năm bị thực dân thống trị. Cũng như Hà Nội, cũng như Huế, cũng như Sài Gòn, tỉnh Tây Ninh cũng vùng lên giành lại chủ quyền và nhân vật được coi như là một trong những người có uy tín nhất, được quần chúng tin tưởng và quý trọng nhất trong tỉnh đã được cử làm Chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh tỉnh này, đó là Đốc Học Trần Văn Hương.

Khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, Ủy Ban Hành Chánh được cải danh là Ủy Ban Hành chánh Kháng chiến hay là Ủy Ban Hành Kháng và Cụ Trần Văn Hương vẫn được tin nhiệm tiếp tục giữ chức vụ này. Khi người Pháp tái chiếm Tây Ninh, vào khoảng cuối tháng 10 năm 1945, Cụ theo Ủy Ban Hành Kháng ra khu tiếp tục công cuộc kháng chiến chống lại thực dân Pháp. Trong thời gian kháng chiến, Cụ lãnh đạo một đơn vị chiến đấu mà người phụ tá cho Cụ là Thiếu úy Tần, tốt nghiệp khóa sĩ quan trừ bị Thủ Dầu Một năm 1939, cùng khoá với Luật Sư Lê Văn Thu, sau này là Tổng trưởng tư Pháp, Chủ Tịch Thương Hội Đồng Quốc Gia và Dương Văn Minh, sau này là đại tướng. Đơn vị của Cụ hoạt động rất mạnh trong vùng từ xã Thanh Điền (Xóm Mía) xuống rừng Nằng (Bến Cầu), Gò Dầu Thượng, Phước Chỉ rồi vào Đồng Tháp. Khi đạn dược và lương thực đã cạn vì không được tiếp tế, đoàn quân này đã bị tan rã.⁸

Trong thời gian này, Cụ nhận chân được bộ mặt thật của những người lãnh đạo công cuộc kháng chiến là Đảng Cộng Sản Đông Dương và cụ biết rằng đối với Cộng sản thì dù có yêu nước, dù có tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp mà không theo Cộng sản, không tự đặt dưới quyền lãnh đạo của đảng Cộng sản thì cũng bị xem như là kẻ thù của họ. Dù đã nhiều lần được các cán bộ Cộng sản cao cấp trong số đó có cả những bạn thân của Cụ như giáo sư Phạm Thiều, anh ruột của bà Phạm Thị Niệm, vợ của Đại tá Phạm Ngọc Thảo sau này, giáo sư Nguyễn Văn Chì, đồng nghiệp với Cụ ở trường Collège de Mỹ Tho, ông Giáo Quỳnh dạy tại Kampong Cham ở Cao Miên, kêu gọi, mời mọc và dụ dỗ Cụ gia nhập đảng Cộng sản nhưng Cụ cương quyết từ chối. Giáo sư Phạm Thiều sau này tự vẫn vì hối hận đã lỡ theo Cộng sản tuy nhiên bộ máy tuyên truyền của Việt Minh thì nói rằng ông ta chết vì bị bệnh “mất trí.” Còn giáo sư Nguyễn Văn Chì, bạn đồng học với Cụ Hương từ thời Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội và đồng nghiệp tại trường Collège de Mỹ Tho, thì theo kháng chiến, trở về thành sau năm 1954 nhưng vẫn theo Cộng sản, do đó bị bắt vào khoảng năm 1957 và đã được Cụ Trần Văn Hương phóng thích khi cụ làm thủ tướng vào cuối năm 1964. Ông Chì sau đó lại theo Mặt trận Giải phóng và trước năm 1975 giữ chức vụ tương tự như đô trưởng Sài Gòn-Gia Định trong vùng Cộng sản, ông ta từ trần khoảng năm 1989 tại Sài Gòn. Ông Giáo Quỳnh theo Việt Minh và hoạt động tại Cao Miên chứ không hoạt động tại Việt Nam.

Ít lâu sau, Cụ cảm thấy không thể nào tiếp tục cộng tác với Việt Minh vì họ là Cộng sản và người Cộng sản thì không bao giờ chấp nhận đứng chung với những người không

⁸Giáo Sư Nguyễn Ngọc An: “*Cụ Trần Văn Hương*” Báo Thời Luận...

theo họ, Cụ biết rằng không sớm thì muộn những người tuy yêu nước, tuy chống lại người Pháp nhưng lại không theo Cộng sản như Cụ thế nào cũng bị Cộng sản loại trừ, như những người bạn của cụ, do đó, Cụ rời bỏ hàng ngũ kháng chiến do Cộng sản lãnh đạo và về sống trong vùng Đồng Tháp Mười, lúc bấy giờ được gọi là Khu Tám..

THỜI KỲ BẤT HỢP TÁC VỚI VIỆT MINH: Cộng sản thủ tiêu hàng vạn người không theo CS

Từ năm 1945 cho đến sau khi Cộng sản thôn tính toàn thể Miền Nam năm 1975, Cụ Trần Văn Hương đã trải qua năm thời kỳ bất hợp tác: bất hợp tác với Việt Minh Cộng sản, bất hợp tác với thực dân Pháp và chính quyền của ông Bảo Đại, bất hợp tác với chính quyền “*độc tài gia đình trị*” Ngô Đình Diệm, bất hợp tác với chính quyền quân phiệt và sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 lại bất hợp tác với Cộng sản Việt Nam cho đến ngày Cụ từ trần.

Sau khi từ bỏ chức vụ chủ tịch Ủy ban Hành Kháng Tây Ninh, Cụ về nương náu với bà con ở Cao Lãnh, lúc bấy giờ vùng này vẫn còn chưa bị người Pháp tái chiếm đóng. Trong thời gian sống ở vùng này, Việt Minh luôn luôn cho người theo dõi Cụ vì họ nghi rằng trước sau gì thì Cụ cũng về hợp tác với người Pháp và hồi đó, nếu ai hợp tác với Pháp thì bị coi như là “*Việt gian*.” Tất cả những người không chịu hợp tác với Cộng sản lúc đó đều bị họ lên án là Việt gian và hầu hết những người bị kết tội Việt gian đều bị họ thủ tiêu một cách vô cùng dã man tàn nhẫn từ Bắc chí Nam. Một trong vài ba người bị Việt Minh bắt mà được may mắn không bị giết có lẽ là ông Ngô Đình Diệm (sẽ đề cập đến trường hợp này trong một đoạn khác.)

Riêng tại miền Nam, các nhà cách mạng nổi tiếng hồi đó như các ông Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Huỳnh Văn Phương, Trần Văn Thạch, Dương Văn Giáo, Hồ Vĩnh Ký và vợ là Bác sĩ Nguyễn Thị Sương, một trong những sáng lập viên của Thanh Niên Tiền Phong, Hồ Văn Ngà, ông Nguyễn Văn Sâm, lãnh tụ đảng Quảng Xã, cựu Khâm sai Nam Bộ, Bùi Quang Chiêu, Lê Kim Ty, Lâm Ngọc Đường, Trương Lập Tạo, Phan Văn Chánh, Diệp Văn Kỳ và ông Lê Bá Cang v.v. chỉ vì họ không chịu theo Cộng sản mà bị giết. Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, Giáo chủ Phật Giáo Hòa Hảo cũng bị Việt Minh thủ tiêu trong giai đoạn này.

Ông Trịnh Hưng Ngẫu, một nhà cách mạng chống Pháp không theo Cộng sản thời trước năm 1945 có kể lại rằng “*Trần Văn Giàu (đảng viên Cộng sản,) Chủ Tịch Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ, chạy thoát sang Bangkok, Thái Lan và gặp tôi ngày 13-6-1946. Trần Văn Giàu thú nhận rằng chính hắn ra lệnh thủ tiêu gần hai ngàn năm trăm (2,500) cán bộ quốc gia trong mấy tháng nắm chính quyền. Hắn và đồng bọn may mắn thoát khỏi miền Nam, nếu không khó tránh được hậu quả của hành động tàn sát đó vì hắn đã gieo quá nhiều hận thù...*”⁹

⁹ Nguyễn Long Thành Nam: “*Phật Giáo Hòa Hảo Trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc*,” Đuốc Từ Bi, Santa Fe Springs, California, 1991, trang 364.

Hai ngàn năm trăm người bị thủ tiêu mà Trần Văn Giàu nói với ông Trịnh Hưng Ngẫu, đa số chỉ là những người thuộc giới trí thức và tiểu tư sản, những người có nổi tiếng và được nhiều người biết đến ở Sài Gòn và một số tỉnh gần Sài Gòn mà thôi, tuy nhiên ngoài vùng Sài Gòn Chợ Lớn, tại nhiều nơi khác ở miền Nam cũng như là miền Trung và miền Bắc, ngay cả đến những người thuộc thành phần trung nông và cả nông dân, họ là những người ít có tên tuổi nhưng cũng yêu nước, cũng không theo người Pháp nhưng lúc bấy giờ họ như sống giữa hai lần đạn, như sống trong cảnh trên đe dưới búa, mạng sống của họ coi như chỉ được tính từng ngày, từng giờ và rồi cuối cùng cũng trở thành nạn nhân của Việt Minh chỉ vì họ chỉ có mỗi một cái tội, đó là tội không theo Cộng sản.

Chỉ riêng đối với những tín đồ Phật Giáo Hoà Hảo tại Sa Đéc và Hồng Ngự-Cao Lãnh (dưới thời Việt Nam Cộng Hoà là tỉnh Kiến Phong) thì Việt Minh đã thủ tiêu hơn 2,000 người trong hai năm 1946 và 1947. Theo một vị cư sĩ thuộc Giáo Hội Phật Giáo Hoà Hảo năm nay đã 85 tuổi kể lại thì trong hai năm nói trên, Việt Minh đã hạ sát 1,200 người tại Cao Lãnh, 652 người tại Hồng Ngự. Tại Sa Đéc, 220 người bị thủ tiêu ở Rạch Cái Gừa, thuộc Xã Mỹ Ngãi, sau đó dân chúng lại phát hiện 4 hầm chôn người tập thể bị Việt Minh chôn sống tại Rạch Cả Điền cũng thuộc Xã Mỹ Ngãi (không rõ tổng số là bao nhiêu) và tại Xã Tân An thuộc tỉnh Sa Đéc dân chúng cũng phát hiện mấy nắm mộ tập thể có hơn 300 tín đồ bị Việt Minh thủ tiêu. Đó là chưa kể đến những nạn nhân bị giết hoặc vẫn còn sống nhưng bị chìm xuống sông rồi xác bị mất tích do đó không ai biết được số nạn nhân này là bao nhiêu, tuy nhiên lối giết người dã man này hồi đó thông thường cho đến nỗi dân Miền Tây đã dùng từ ngữ “*đi mò tôm*” để nói về lối giết người này.¹⁰

Đó chỉ mới là một con số nạn nhân trong vùng Sa Đéc, Cao Lãnh, Hồng Ngự, tuy nhiên trong toàn vùng miền Tây và miền Đông Nam Bộ thì con số người bị Việt Minh thủ tiêu còn khủng khiếp hơn nhiều: “*Số người bị giết trong hai tôn giáo Cao Đài và Phật Giáo Hòa Hảo năm 1945 lên đến trên mười ngàn (10,000) nhưng vì xảy ra tại các vùng nông thôn hẻo lánh, cho nên báo chí không đăng và dư luận trong nước ngoài nước không khám phá ra được. Phía Phật Giáo Hòa Hảo đưa ra con số trên dưới 10,000 tín đồ và cán bộ bị hạ sát (bởi Việt Minh) năm 1945, từ sau cuộc biểu tình tại Cần Thơ ngày 8 tháng 9 năm 1945.*”¹¹

Con số trên mười ngàn tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài bị Việt Minh sát hại được Giáo Sư Nguyễn Long Thành Nam nhắc đến ở trên chỉ là một con số khiêm nhường vì số nạn nhân tín đồ Cao Đài bị Việt Minh thủ tiêu ở nội tỉnh Quảng Ngãi mà thôi đã lên đến gần 3 ngàn người. Trong một tài liệu được gọi là “*Bạch Thư Cao Đài Giáo*” viết bằng Việt và Anh ngữ được phổ biến tại San Bernardino, California, Hoa Kỳ và được

¹⁰ **Giáo Sư Nguyễn Thành Long** thuộc Giáo Hội Phật Giáo Hoà Hảo Hải Ngoại đã cung cấp cho người viết những con số về nạn nhân các tín đồ PGHH bị thủ tiêu qua lời thuật lại của Cụ Phan Thanh Nhân, 85 tuổi (vào năm 2003) tức là vào năm 1945 cụ đã gần 30 tuổi. Cụ Phan Thanh Nhân hiện đang sống tại Nam California.

¹¹ Nguyễn Long Thành Nam: Sđd, trang 366-367.

đại diện của Tòa Thánh Cao Đài là Ngọc Sách Thanh gửi cho Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc và Ủy Ban Quốc Tế Nhân Quyền ngày 9 tháng 4 năm 1999, các giới chức Cao Đài tại hải ngoại đã cho biết: “*Riêng tại tỉnh Quảng Ngãi (thuộc Trung Bộ) Việt Minh Cộng sản đã giết bằng nhiều cách 2,791 người, vừa chức sắc, chức việc, vừa tín hữu Cao Đài giáo, kể cả phụ nữ và trẻ em, như “chém đầu, chôn sống, thả biển và cả hình thức “tùng xẻo” thời trung cổ (nguyên văn.) Chẳng những riêng tỉnh Quảng Ngãi mà tại các tỉnh từ Quảng Nam trở vào, chức sắc và tín hữu đạo Cao Đài đều bị Việt Minh bắt giết...”*¹²

Ngoài những vụ thảm sát tại miền trung nói trên, “*Tại Nam Bộ, ngày 23 tháng 9 năm 1945, Trần Văn Giàu và Tướng Nguyễn Bình đã cho phục kích giết 2 chi đội 6 và 7 của quân đội Cao Đài (Ghi chú: hồi 1945, danh từ “chi đội” được dùng để gọi một đơn vị võ trang chứ không có nghĩa như là một đơn vị nhỏ cấp đại đội mà sau này các đơn vị thiết giáp và kỵ binh vẫn dùng. Chẳng hạn như “Chi Đội Nguyễn Trung Trực” của Phật Giáo Hòa Hảo gồm có 3 “đại đội”: đại đội 1 phụ trách vùng Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng và Bạc Liêu (theo Nguyễn Long Thành Nam,) do đó thì chỉ nội cái “đại đội 1” này cũng đã hoạt động trong phạm vi lãnh thổ rộng lớn mà sau này nguyên cả Sư Đoàn 21 Bộ Binh của QLVNCH chịu trách nhiệm, do đó 2 chi đội của quân đội Cao Đài này có thể lên đến cả mấy ngàn người.) Không đầy một tuần sau, Việt Minh bắt Phối Sư Thượng Vinh Thanh, tên thật là Trần Quang Vinh, người sáng lập ra quân đội Cao Đài. Từ đó, Việt Minh thẳng tay khủng bố Tòa Thánh Tây Ninh và các chi phái, tuyên truyền nhục mạ đạo Cao Đài, bắt bớ, giam cầm, ám sát hoặc thủ tiêu tín đồ, quân sĩ và chức sắc Cao Đài. Số lượng người bị giết được giới chức Cao Đài ước tính khoảng mười ngàn (10,000) người.”*¹³

Như vậy, không kể con số nạn nhân tại tỉnh Quảng Ngãi, tổng số nạn nhân bị Việt Minh thủ tiêu do Trần Văn Giàu của Cộng sản, Giáo sư Nguyễn Long Thành Nam của Phật giáo Hòa Hảo và các chức sắc đạo Cao Đài tiết lộ đã lên đến khoảng hai mươi ba ngàn (23,000) người, một con số khủng khiếp so với dân số ở miền Tây và miền Đông Nam Bộ hồi đó, chỉ chừng 5 hay 6 triệu người mà thôi.

Ông Nguyễn Minh Cần, một đảng viên Cộng sản cao cấp, năm 1946 là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên, từ năm 1954 đến năm 1962 là Ủy viên Thường vụ Thành ủy Hà Nội kiêm Chủ nhiệm báo Thủ Đô Hà Nội, đã thoát ly khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1964 khi ông đang theo học trường Đảng Cao cấp ở Liên Xô và tỵ nạn ở Nga từ đó cho đến nay. Năm 2001, ông Nguyễn Minh Cần đã cho xuất bản cuốn “**Đảng Cộng sản Việt Nam Qua Những Biến Động Trong Phong Trào Cộng sản Quốc Tế**” trong đó ông đã nhận xét về những vụ thủ tiêu, giết người của Việt Minh Cộng sản hồi 1945-1946 như sau: “*Cũng vì đầu óc staliniste như vậy nên sau khi ông (Hồ Chí Minh) nắm được chính quyền thì hàng loạt lãnh tụ trotskistes Việt Nam (và các đảng quốc gia nữa) đã bị Việt Minh (tức là Đảng Cộng sản Việt Nam) giết hại: Tạ Thu Thâu, Phan Văn*

¹² Trần Gia Phụng: “*Án Tích Cộng Sản Việt Nam,*”..... Trang 74-75.

¹³ Trần Gia Phụng: Sđd, trang 76.

Hùm, Phan Văn Chánh, Trần Văn Thạch, Nguyễn Văn Sở, Lê Ngọc, Lê Văn Hương, v.v...”¹⁴

Linh mục Cao Văn Luận, một người đồng hương với Hồ Chí Minh và đã được ông Hồ tiếp kiến nhiều lần khi ông sang Pháp vào năm 1946 để thương thuyết với chính quyền Pháp, đã kể lại chuyện Hồ Chí Minh bị chất vấn tại Hotel Royal ở Paris về việc nhà cách mạng Tạ Thu Thâu bị Việt Minh thủ tiêu ở Quảng Ngãi năm 1945 như sau: “Trong một buổi tiếp tân ngày 25 tháng 6 năm 1946 tức là trước ngày chúng tôi dự tiệc trưa lần thứ nhất với cụ Hồ, cụ có tổ chức một cuộc tiếp tân long trọng tại Hotel Royal và mời rất đông quan khách.

“Đảng Cộng sản Đông Dương ở Pháp và cán bộ Việt Minh đi lôi kéo một số Việt kiều khoảng vài trăm người kéo đến quanh Hotel Royal biểu tình hoan hô tình thân thiện Pháp-Việt lúc cụ Hồ tiếp các chính khách, trí thức, nhân sĩ, báo giới Pháp bên trong khách sạn.

“Trong buổi tiếp tân này, một đảng viên Cộng sản Pháp thuộc hệ phái Trotsky tức là Đệ Tứ Quốc tế, có hỏi trường hợp cái chết của Tạ Thu Thâu. Cụ Hồ làm mặt buồn rầu, thiếu não, đã trả lời rằng: “Ông Thâu là một nhà ái quốc lớn và chúng tôi rất buồn lòng khi hay tin ông mất.” Bị hỏi dồn ai là thủ phạm thủ tiêu ông Tạ Thu Thâu, cụ Hồ đã trả lời gặng gượng: **“tất cả những ai đi sai con đường tôi đã vạch đều phải bị tiêu diệt.”** Con người Cộng sản giáo điều ở cụ Hồ hiện rõ trong câu nói đó và câu nói tàn bạo đó giải thích được những hành động sau này của chính phủ Việt Minh ở trong vùng gọi là “giải phóng.”¹⁵

Cũng về trường hợp Tạ Thu Thâu, Giáo sư Nguyễn Long tự Thành Nam có kể lại chuyện khi Hồ Chí Minh sang Pháp vào năm 1946, ông đã bị một nhà trí thức Việt Nam chất vấn như sau:

“Hoàng Đôn Tri là anh hay em của Hoàng Đôn Văn, cựu Bộ trưởng Lao Động* trong chính phủ (đầu tiên) của Hồ Chí Minh năm 1945. Hoàng Đôn Tri là kỹ sư trường École Centrale tại Paris thuộc phe Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Hãn, Tổng Ủy ban Việt Kiều tại Pháp năm 1944-1945.

Năm 1946, lúc Hồ Chí Minh qua Pháp, Hoàng Đôn Tri có xin gặp và sau khi nói chuyện đó đây, Đôn Tri cung kính thưa: “Tôi là học trò cũ của ông Tạ Thu Thâu. Tôi cho ông Thâu là người tốt nhất, Thâu yêu nước vô cùng và nhất là yêu hạng người nghèo khó. Thưa Chủ Tịch, tại sao ông Thâu lại bị giết và ai giết?” Hồ Chí Minh sau một phút suy nghĩ và lấy làm lạ sao có câu hỏi như vậy, đã trả lời: “Phải, Tạ Thúc Thâu (tôi không hiểu tại sao lại gọi là Tạ Thúc) là người tốt. Thâu đã bị giết lầm. Mà tại sao anh lại đặt

¹⁴ Nguyễn Minh Cần: “**Đảng CS Việt Nam Qua Những Biến Động Trong Phong Trào CS Quốc Tế**,” Tuổi Xanh xuất bản 2001, trang 97.

¹⁵ Cao Văn Luận: “**Bên Giòng Lịch Sử 1940-1965**,” Nhà Xuất bản Đại Nam, Glendale, California, trang 96-97.

câu hỏi ấy? Tại sao lại gọi lên sự chia rẽ trong lúc này, giữa lúc có hàng vạn người chết vì nước...?”

“Hoàng Đôn Tri trả lời: “Thưa Thâu không phải là một cá nhân, Thâu đại diện cho một trào lưu tư tưởng, một nếp sống, một lối hành động vì nhân dân mà hàng vạn vạn người quan tâm. Sự mờ ám về cái chết của Thâu gây chia rẽ chứ không phải là sự làm sáng tỏ.

“Hồ Chí Minh không trả lời thẳng mà nói: “Anh còn trẻ và biệt tín lắm!” Hoàng Đôn Tri nói: “Thưa không...” Rồi chủ tịch cho tôi một trái pomme lớn để chấm dứt câu chuyện.”

*“Thái độ “lấp lửng” với những câu trả lời “mập mờ” và xảo thuật “tránh đi vào đề,” viện nhu cầu “tránh chia rẽ” ... của Hồ Chí Minh qua cuộc đàm thoại này, một mặt tố cáo bản chất xảo quyệt tinh ma của con người Hồ Chí Minh, mặt khác xác nhận Cộng sản Đệ Tam đã sát hại lãnh tụ Tạ Thu Thâu.”¹⁶ *(Ghi chú của người viết: Bộ trưởng Lao Động trong Chính phủ đầu tiên của Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 9 năm 1945 là ông Lê Văn Hiến và trong Chính phủ Liên Hiệp ngày 6 tháng 1 năm 1946 là ông Nguyễn Văn Tạo. Ông Hoàng Đôn Văn chỉ là Ủy trưởng Lao Động trong Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ tức là Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ Lâm Thời ra mắt ngày 25 tháng 8 năm 1945 trước Tòa Đô Sảnh Sài Gòn.)*

Một trường hợp khác là việc Cụ Thượng Chi Phạm Quỳnh bị Việt Minh bắt ngày 23 tháng 8 năm 1945, trước ngày Vua Bảo Đại thoái vị, rồi bị họ thủ tiêu cùng với anh ruột của ông Ngô Đình Diệm là ông Ngô Đình Khôi cùng với con trai của ông ta là Ngô Đình Huân vào ngày 6 tháng 9 năm 1945. Năm 1992, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhật của Học giả Phạm Quỳnh, bà Phạm Thị Thức, con gái của Cụ có viết một bài hồi ký kể lại chuyện bà và chị của bà là bà Phạm Thị Giá ra Hà Nội gặp Hồ Chí Minh để chất vấn về việc sát nhân này. Bà cho biết:

“Tháng 8 năm 1945, Thầy tôi ra đi...! Sau đó, chị tôi và tôi nhờ một anh bạn là Vũ Đình Huỳnh, ngày ấy là garde-corps (cận vệ) cho cụ Hồ, giới thiệu đến thăm cụ và hỏi chuyện (tức chuyện ông Phạm.) Cụ (Hồ Chí Minh) bảo: “Hồi ấy tôi chưa về... Và trong thời kỳ khởi nghĩa quá vội và có thể có nhiều sai sót đáng tiếc...”¹⁷*

Theo Trường Chinh trong cuốn “Tháng 8 Năm 1945: Chào Mừng Chủ Tịch Hồ Chí Minh Về Hà Nội” do Vietnam Courier xuất bản tại Hà Nội năm 1988 thì: “Hồ Chủ Tịch về đến ngoại ô thành phố Hà Nội chiều 25 tháng 8. Người nghỉ đêm tại đó rồi đi bằng xe ô-tô vào Hà Nội vào ngày 26 tháng 8 năm 1945.”

¹⁶ Nguyễn Long Thành Nam: “**Phật Giáo Hòa Hảo trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc,**” Đuốc Từ Bi, Santa Fe Springs, California, 1991. Trang 362-363.

¹⁷ Trần Gia Phụng: “**Những Câu Chuyện Lịch Sử,**” Văn Nghệ, California. Ghi chú 57, trang 384.

*Vũ Đình Huỳnh không phải là cận vệ của ông Hồ. Ông Vũ Thư Hiên, tác giả cuốn “**Đêm Giữa Ban Ngày**” và cũng là con trai của ông Huỳnh, cho biết rằng khi còn ở Tân Trào, thấy ông Huỳnh biết nhiều người, hiểu biết nhiều việc, cho nên Hồ Chí Minh đã mời làm bí thư cho ông ta. Sau khi về Hà Nội vào tháng 8 năm 1945, ông Huỳnh tiếp tục giữ chức vụ Bí Thư của Chủ Tịch Hồ Chí Minh cho đến khi ông sang làm về Lễ Tân tức là Nghi Lễ tại Bộ Ngoại Giao vào cuối thập niên 1950.

Một sử gia Hoa Kỳ, căn cứ vào những cuốn sách do các đảng viên Cộng sản viết về chuyện Hồ Chí Minh về Hà Nội như là “*Chủ tịch Hồ Chí Minh: Biên Niên Tóm Tắt Từ 14-8-1945 Đến 20-12-1946*” của Tạp Chí Cộng sản xuất bản năm 1985, “*Khu Di Tích Lịch Sử Của Trung Ương Đảng Ở Nội Ngoại Thành Hà Nội*” do Văn Hóa Nghệ Thuật xuất bản năm 1985, “*Hà Nội Tháng 8*” của Nguyễn Quyết v.v., đã viết về việc Hồ Chí Minh về Hà Nội như sau:

*“Hồ Chí Minh đi bằng đường bộ lẫn đường thủy từ Tân Trào về đến ngoại ô thành phố Hà Nội vào ngày 26 tháng 8 năm 1945. Ông Hồ được Trường Chinh đón và đã đưa ông về một ngôi nhà bí mật ở Phố hàng Ngang trên một chiếc xe hơi do họ tịch thu của ai đó. Như vậy kể từ ngày hôm đó, Hồ Chí Minh đã có mặt để sẵn sàng để chỉ huy đàn em và điều đáng chú ý là đây là lần đầu tiên Hồ Chí Minh thấy Hà Nội, tuy nhiên ông ta không có thì giờ để suy ngẫm về việc một người quê quán ở tỉnh Nghệ An như ông ta, một người đã chu du nhiều nơi trên thế giới trong hơn ba thập niên, đã từng đến nơi xa xôi như là New York, mà giờ đây, lần đầu tiên lại được trở về nơi trung tâm của nền văn hoá và chính trị của quê hương ông ta với tư cách là một người đứng đầu chính phủ...”*¹⁸

Trung Tá Archimedes Patti, người chỉ huy Văn Phòng Đông Dương của Tình Báo Chiến Lược Hoa Kỳ OSS, người đã từng gặp gỡ và tuyển chọn Hồ Chí Minh để hoạt động cho OSS cách đó mấy tháng tại Trung Hoa, đã kể lại chuyện sau khi ông đến Hà Nội thì vào ngày chủ nhật 26 tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh đã mời ông đến dự bữa ăn trưa tại Bắc Bộ Phủ. Patti kể lại rằng: “*Hồ Chí Minh giới thiệu tôi với mọi người “đây là người bạn của chúng ta từ Washington.” Tôi ngượng ngùng và không muốn để cho những người khác hiểu lầm về cái quy chế chính thức của tôi (chỉ là một trưởng phòng nhỏ bé trong Bộ Tham mưu của Chiến Trường Trung Hoa,) tôi vội vã cải chính: “Xin Ngài vui lòng giới thiệu: từ Côn Minh.” Mọi người đều cười lớn và Hồ Chí Minh nói lại: “từ Côn Minh” ...*

*...”*¹⁹

Như vậy thì chứng cứ rõ ràng là từ ngày 26 tháng 8 năm 1945 Hồ Chí Minh đã có mặt tại Hà Nội, ông đã gửi Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận vào Huế để nhận ấn kiểm soát vị của Vua Bảo Đại vào ngày 30 tháng 8 năm 1945. Chính Cù Huy Cận sau này có viết trong cuốn hồi ức của ông rằng “*Phái đoàn do ông Trần Huy Liệu, Phó Chủ tịch chính phủ kiêm Bộ Trưởng Tuyên Truyền làm trưởng đoàn cùng với hai thành viên là ông Nguyễn Lương Bằng và tôi. Lên đường từ Hà Nội vào ngày 27 tháng 8 năm 1945, chúng tôi dự định chiều 28 sẽ đến nơi (Huế)...*”²⁰

Huy Cận cho biết phái đoàn đến Huế vào trưa ngày 29 tháng 8 và đã được “*Tố Hữu, Chủ tịch Ủy Ban Khởi Nghĩa Thừa Thiên, Huế đón tại Mỹ Chánh rồi đưa về Huế dự cuộc biểu tình tại sân vận động với sự tham dự của khoảng 40 ngàn người...*” Lúc đó

¹⁸ David G. Marr: “*Vietnam 1945: The Quest for Power*,” University of California Press, Los Angeles and Berkeley, California, 1995., trang 498.

¹⁹ Archimedes L. A. Patti: “*Why Vietnam? Prelude to America’s Albatross*,” University of California Press, Los Angeles and Berkeley, California 1980, trang 200.

²⁰ Tuệ Chương Hoàng Long Hải: “*Về Huy Cận*,” nhật báo Người Việt ngày 15-6-2005.

tuy Tố Hữu làm chủ tịch tại Huế nhưng nhóm cán bộ Cộng sản tại địa phương là Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Anh v.v. mới là những nhân vật nắm quyền lãnh đạo, không lý nhóm này lại dám không báo cáo về việc bắt giữ những người nổi tiếng khắp nước như là Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi từ ngày 23 tháng 8 với phái đoàn từ trung ương, phái đoàn đại diện cho Hồ Chủ Tịch như là Trần Huy Liệu hay là đảng viên Cộng sản cao cấp nhất trong phái đoàn là Nguyễn Lương Bằng? Vậy mà chỉ có 6 ngày sau khi phái đoàn Trần Huy Liệu đến Huế thì các ông Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Huân đã bị Việt Minh thủ tiêu một cách vô cùng dã man, tàn nhẫn tại Hiền Sĩ, cách thành phố Huế không đầy 20 cây số. Suy ngẫm lại việc đó, người ta có thể thấy rõ nhóm Việt Minh ở Huế đã không dám giết các ông Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Huân ngay sau khi bắt họ mà chỉ thủ tiêu họ hai tuần lễ sau đó, như vậy thì họ đã phải chờ lệnh của cấp trên.

Lệnh của ai?

Hồ Chí Minh đã trả lời cho hai người con gái của Cụ Phạm Quỳnh rằng khi thân phụ của họ bị giết, *“hồi đó tôi chưa về Hà Nội,”* như vậy có nghĩa là việc ông Phạm Quỳnh bị giết không phải là do lệnh của ông ta. Đó là một điều hoàn toàn không đúng sự thật vì ông Hồ đã về Hà Nội từ ngày 25 hay 26 tháng 8 và đến ngày 2 tháng 9 thì ông ra mắt đồng bào tại công trường Ba Đình. Ông Hồ nói lúc đó *“trong thời kỳ khởi nghĩa quá vội, có thể có nhiều sai sót đáng tiếc..,”* điều này cũng không đúng nốt vì Việt Minh đã bắt Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Huân từ ngày 23 tháng 8 và đã thủ tiêu những người này vào ngày 6 tháng 9, như vậy là họ đã bị giam giữ đúng 2 tuần lễ rồi mới bị giết thì đó là một điều có tính toán, có chủ trương chứ không phải là ... *quá vội* như ông Hồ trả lời lấp liếm, có thể nói là ngụy biện.

Mấy tháng sau đó, tại Paris khi Hồ Chí Minh bị các đảng viên Cộng sản Pháp chất vấn về cái chết của nhà cách mạng Tạ Thu Thâu, sau khi không còn lấp liếm, không còn ngụy biện được với các đồng chí người Pháp, ông Hồ đã phải thú nhận *“tất cả những ai đi sai con đường tôi đã vạch đều phải bị tiêu diệt.”*

Từng hoạt động với Việt Minh, Cụ Trần Văn Hương biết rõ điều đó. Cụ biết rằng chủ trương của họ là *“nếu ai không theo họ thì đều là kẻ thù của họ và những kẻ đó cần phải bị tiêu diệt.”* Cụ biết rằng họ nghi ngờ Cụ, họ đang theo dõi Cụ và sớm muộn gì thì rồi cũng đến ngày họ sẽ bắt giữ hoặc thủ tiêu Cụ, nhất là vào thời năm 1946. Cụ không muốn trở về sống trong vùng do người Pháp kiểm soát, tuy nhiên chính sách của người Pháp lúc đó thì tương đối nhân đạo hơn vì họ chủ trương nếu không chống lại họ thì họ để yên. Khi thấy tình hình ở Cao Lãnh ngày càng trở nên căng thẳng vì quân đội Pháp đang mở các cuộc hành quân chiếm lại những khu vực quanh Đồng Tháp Mười, Việt Minh bắt đầu đàn áp mạnh hơn đối với những người không theo họ, có hàng ngàn người đa số là tín đồ Phật Giáo Hoà Hảo đã bị thủ tiêu và Cụ quyết định rời Cao Lãnh trở về sống với gia đình ở xã Long Châu thuộc quận Châu thành, tỉnh Vĩnh Long, vùng này không còn bị Việt Minh kiểm soát.

THẺ KHÔNG HỢP TÁC VỚI NGƯỜI PHÁP

Sau khi quân đội Pháp tái chiếm Tây Ninh, viên chủ tỉnh Pháp trước năm 1945 tên là *Leberger* lại được bổ nhiệm làm tỉnh trưởng tỉnh này. Tỉnh trưởng *Leberger* rất có cảm tình và mến phục Cụ khi Cụ còn làm đốc học trước ngày kháng chiến. Ông ta viết một lá thư rồi cho người đi tìm con trai thứ của Cụ là ông Trần Văn Đính lúc bấy giờ đang tản cư về sống với ông nội ở Vĩnh Long và nhờ ông Đính cầm thư này đưa về cho Cụ ở Cao Lãnh. Trong thư, *Leberger* mời Cụ Trần Văn Hương trở về Tây Ninh làm việc như cũ, ông ta hứa là người Pháp sẽ bỏ qua chuyện Cụ theo Việt Minh chống lại người Pháp, ông ta bảo đảm sẽ bảo vệ an ninh cho Cụ và sẽ cho Cụ lãnh “*rappel*” tức là truy lĩnh lương bổng kể từ ngày chính quyền người Pháp bị lật đổ cho đến ngày Cụ hồi cư trở lại làm việc cho chính quyền của người Pháp. *Leberger* cũng đòi Cụ phải về trình diện trong vòng mấy tháng kể từ ngày nhận được thư của y, sau đó nếu Cụ không trở về thì đề nghị của y sẽ không còn có giá trị.

Cụ Trần Văn Hương viết thư phúc đáp đại ý Cụ cảm ơn lòng ưu ái của *Leberger*, tuy nhiên Cụ nói cho y biết rằng năm 1945 Cụ đã thề trước bàn thờ Tổ Quốc là sẽ không bao giờ làm việc cho người Pháp, do đó bây giờ tuy Cụ đã bỏ hàng ngũ Việt Minh nhưng Cụ sẽ không bao giờ trở lại hợp tác với người Pháp. Sau khi trả lời thư của *Leberger*, Cụ chờ cho đến mấy tháng sau ngày qua khỏi hạn kỳ y đã đưa ra mới trở về thành sống với gia đình ở Xã Long Châu tỉnh Vĩnh Long.²¹ Sống với gia đình ở Vĩnh Long một thời gian, Cụ cảm thấy ngột ngạt vì ở tỉnh nhỏ, chính quyền địa phương của người Pháp luôn luôn theo dõi vì thái độ bất hợp tác của Cụ, do đó vào khoảng tháng 12 năm 1946, Cụ dọn lên Sài Gòn sinh sống. Cụ là giáo sư chánh ngạch và có thể trở về dạy học ở trường Pétrus Ký bất cứ lúc nào, tuy nhiên vì lời thề không hợp tác với người Pháp cho nên Cụ đã không trở lại làm công chức cho Pháp, dù chỉ là dạy học.

Trong thời gian kể từ năm 1946 cho đến năm 1954, những người Việt Nam yêu nước nhưng không theo Việt Minh Cộng sản và cũng không hợp tác với người Pháp cũng như là chính quyền gọi là “Quốc Gia Việt Nam” của Quốc Trưởng Bảo Đại đã được báo chí cũng như quần chúng gọi là “*trùm chặn*” và Cụ Trần Văn Hương cũng tự nhận Cụ là một trong những người “*trùm chặn*” thời đó. Khi được hỏi về thái độ “*trùm chặn*” này, Cụ giải thích rằng Cộng Sản với Thực dân Pháp là hai thứ bệnh dịch và “*giữa bệnh dịch hạch và bệnh dịch tả thì người ta không có được sự lựa chọn nào cả*” (*entre la peste et le choléra, il n’y a aucun choix.*)²²

Trong thời gian cụ sống “*trùm chặn*” ở Sài Gòn, Việt Minh cũng đã nhờ một số bạn bè của cụ còn đang hoạt động trong vùng kháng chiến viết thư thúc giục cụ ra “*bưng*” cộng tác với họ nhưng cụ đã cương quyết từ chối. Cụ cho biết về việc này trong một bài thơ như sau:

²¹Phỏng vấn ông Trần Văn Đính, thứ nam của Cụ Trần Văn Hương, Huntington Beach, California, 2002.

²²Phỏng vấn ông Trần Văn Đính, 2002

“Vào khoảng đầu năm 1947, đã mấy lần anh em trong kháng chiến cho người cầm thơ về thúc giục tôi trở ra bưng cộng tác. Về phương diện lý tưởng như danh nghĩa, tôi không đồng ý với anh em nên đã là bưng mà về thành. Lần chót hết, người đem thơ vật nài tôi phải cho vài chữ để cầm về phục lệnh. Tôi lật sau lưng bức thơ biên vào mấy hàng như thế này:

*Nước nhà đương lúc biến,
Ai được phép ngồi coi.
Nhỏ lớn đều ra sức,
Dở hay cũng học đòi.
Tài sơ còn rán gượng,
Bệnh nhiệt phải đành thôi.
Thân sống thừa cam chịu,
Nhường tay thợ vá trời.
6-1947²³*

Liên Hệ với Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn

Để giải quyết vấn đề sinh kế, Cụ đi làm giữ kho (magasinier) cho nhà thuốc tây Pharmacie de la Gare của Dược sĩ Nghiêm Xuân Hàm ở trước ga xe lửa Saigon. Ông chủ nhà thuốc Tây này vốn cũng là cựu học sinh của Cụ đã đề nghị trả cho Cụ một số tiền lương tương đối khá lớn, tuy nhiên Cụ đã yêu cầu trả cho Cụ một số tiền lương giống như lương của những người thư ký khác để trả tiền ăn và tiền ở trọ hàng tháng là đủ.

Cụ không có nhà ở Sài Gòn cho nên một người học trò cũ của Cụ đã mời Cụ về ở nhà ông ở cạnh Vườn Bờ-rô tức là Vườn Tao Đàn sau này. Người học trò cũ đó là ông Đỗ Văn Năng, thủ lĩnh *Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn*.

Theo cựu Đại Tá Phạm Văn Liễu, một đảng viên Đại Việt Quốc Dân Đảng và cựu sinh viên Trường Lục Quân Yên Bái thì ông Đỗ Văn Năng là một trong mấy lãnh tụ cao cấp của Đại Việt Quốc Dân Đảng của lãnh tụ Trương Tử Anh tại miền Nam hồi cuối thập niên 1940, người thứ hai là Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn và người thứ ba là ông Nguyễn Văn Hương tức là Mười Hương, tuy nhiên lúc đó ông Mười Hương đang bị Việt Minh giam giữ ở Thanh Hoá. Ông Phạm Văn Liễu là một đảng viên Đại Việt và có thời giữ chức Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia vào khoảng năm 1965, nhờ đó đã có cơ hội được đọc những hồ sơ mật của Mật Thám Pháp để lại và tuy rằng vào thời điểm đó ông Liễu còn ở Bắc Việt nhưng một số hiểu biết của ông về các hoạt động chính trị tại Sài Gòn hồi đó thì có thể tin cậy được. Người viết xin ghi lại một vài chi tiết về ông Đỗ Văn Năng do ông Phạm Văn Liễu kể lại vì sự liên hệ giữa ông Năng với Cụ Trần Văn

²³Trần Văn Hương: “*Bó Hoa Cuối Mùa*”, trang 21

Hương lúc bấy giờ và sự liên hệ đó cũng có thể giúp cho người ta hiểu được một vài việc làm của Cụ Hương mấy chục năm sau.

Trong cuốn “*Trở Về Sông Núi*,” ông Phạm Văn Liễu cho biết ông Đỗ Văn Năng cùng tuổi với Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn, sinh năm 1915, quê ở làng Hưng Thịnh tỉnh Vĩnh Long, tức là đồng hương với Cụ Hương. Ông Năng theo học trường College de Mytho, trong thời gian Cụ Trần Văn Hương đang làm giáo sư ở đó và khoảng năm 1935 thì ông Năng làm thư ký cho Công sứ Pháp ở Kompong Chanang, Cao Miên, sau đó trở về Sài Gòn làm tham biện (cò-mi) Sở Hàm Mỏ. Đến năm 1943, ông Năng xin thôi việc với người Pháp và ra làm thương mại. Sau khi Nhật đảo chánh người Pháp vào năm 1945, ông Năng vào làm cho Kampeitai tức là Sở Hiến Binh của Nhật. Tháng 9 năm 1945, ông tham gia vào Đệ Tam Sư Đoàn của ông Nguyễn Hoà Hiệp, một tổ chức trông coi về an ninh tại Sài Gòn trước ngày Việt Minh lên nắm chính quyền. Khi người Pháp trở lại Việt Nam, Đệ Tam Sư Đoàn rút vào bưng kháng chiến và cuối năm 1945 đầu năm 1946 thì về trú đóng trong vùng Đồng Tháp Mười. Vào khoảng thời gian này, Cụ Trần Văn Hương cũng rút từ Tây Ninh về vùng Đồng Tháp và có lẽ ông Đỗ Văn Năng gặp lại người thầy học cũ ở đó.

Khoảng năm 1946, cũng như những thành phần kháng chiến không theo Việt Minh khác, nhóm *Đệ Tam Sư Đoàn* bị Việt Minh nghi kỵ, nhất là vị tư lệnh sư đoàn này là ông Nguyễn Hoà Hiệp lại là một lãnh tụ Quốc Dân Đảng, gây rất nhiều khó khăn đến chỗ có xung đột, có thanh toán lẫn nhau và Đại Tướng Leclerc, Tổng Tư lệnh Quân Đội Pháp đã thuyết phục được ông Nguyễn Hoà Hiệp kéo một số cán bộ trở về thành. Ông Đỗ Văn Năng cũng theo ông Hiệp về Sài Gòn và hoạt động trong lãnh vực tình báo, dưới chiêu bài “móc nối những người quốc gia trong hàng ngũ Việt Minh trở về vùng Tê.”

Tháng 1 năm 1948, ông Đỗ Văn Năng sáng lập *Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn*. Đây là một đoàn thể ngoại vi của Đại Việt Quốc Dân Đảng đã quy tụ một số thanh niên có tinh thần chống người Pháp, chống lại Việt Minh, tổ chức thành đội ngũ và được huấn luyện bán quân sự. Kỳ hiệu của TNBQĐ là cờ vàng với ba ngôi sao màu xanh tượng trưng cho ba miền Nam, Trung, Bắc và cơ quan ngôn luận là tờ báo Thanh Niên. Ông Liễu cho biết ngày 12 tháng 12 năm 1948, Đảng Đại Việt Quốc Dân Đảng toàn quốc họp tại Hà Nội để thống nhất và các đại biểu đã bầu lên một Ban Chỉ Đạo với Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn làm Tổng Thư Ký với các uỷ viên là Lê Thăng, Nguyễn Hữu Trí và Đặng Văn Sung đại diện cho miền Bắc, Nguyễn Khoa Toàn đại diện cho miền Trung và Đỗ Văn Năng đại diện cho miền Nam. Chức vụ Chủ tịch Đảng Đại Việt bao giờ cũng để trống vì đó là ghế dành cho Đảng trưởng Trương Tử Anh, cũng còn được gọi là ông Cả Phương và tuy rằng có tin đồn rằng ông Trương Tử Anh đã bị Cộng sản thủ tiêu từ năm 1946 nhưng tất cả đảng viên Đại Việt đều tin rằng ông ta vẫn còn sống và đang ẩn náu đâu

đó mà thôi. Như vậy thì ông Đỗ Văn Năng là người có vai vế rất cao trong Đại Việt Quốc Dân Đảng tại Miền Nam.²⁴

Trong số các đoàn viên trẻ của TNBQĐ hồi đó có các ông Nguyễn Ngọc Huy, sau này là Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, một trong những lãnh tụ của Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến tức là Tân Đại Việt, ông Trần Văn Hai, sau này là Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, một trong 5 vị tướng lãnh đã anh dũng tử tiết ngày 30 tháng 4 năm 1975, ông Lý Bá Hỷ, sau này là Chuẩn Tướng Lý Bá Hỷ, Tư Lệnh Phó Biệt Khu Thủ Đô, ông Đỗ Kiến Nhiễu, sau này là Chuẩn Tướng Đô Trưởng Sài Gòn và ông Lê Văn Văn hay là Lê Văn, giám đốc Nhà Xuất bản Tân Việt, nhà xuất bản rất nổi tiếng ở miền Bắc trước năm 1945 và đã dời vào Sài Gòn vào năm 1947, nhà xuất bản này có ảnh hưởng rất mạnh tại Miền Nam với những tác phẩm của các nhà văn Nam Bộ nổi tiếng thời đó như Vũ Anh Khanh, Lý Văn Sâm, Hồ Hữu Tường, Thẩm Thệ Hà, Sơn Khanh v.v. Sơn Khanh là bút hiệu của Luật Sư Nguyễn Văn Lộc, thủ tướng chính phủ đầu tiên của nền Đệ Nhị Cộng Hoà từ tháng 9 năm 1967 đến tháng 5 năm 1968 và người lên thay thế LS Nguyễn Văn Lộc làm thủ tướng là Cụ Trần Văn Hương. Em ruột của L.S. Nguyễn Văn Lộc là Giáo sư Nguyễn Văn Trường đã tham gia vào nội các của Thủ tướng Trần Văn Hương trong chức vụ Tổng trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục vào năm 1964 và đại diện cho liên danh Trần Văn Hương-Mai Thọ Truyền trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1967.

Ông Trần Văn Đính, thứ nam của Cụ Trần Văn Hương có cho người viết biết rằng hồi năm 1948-1949, ông thường đến nhà ông Đỗ Văn Năng để luyện tập võ nghệ với những người bạn như Nguyễn Ngọc Huy, Lý Bá Hỷ, Lâm Quang Mỹ v.v. thì người đứng ra dạy võ nghệ cho các ông lúc đó không phải là ông Năng mà chính là ông Lê Văn. Ông Lê Văn là người võ nghệ rất cao cường, không biết ông học ở đâu. Ông Đính cho biết thêm rằng ông và bà Lê Văn đều là người miền Nam nhưng thành lập nhà xuất bản Tân Việt ở Hà Nội từ thời trước chiến tranh 1945 và rất thành công, tuy nhiên sau năm 1945 thì dời nhà xuất bản vào Sài Gòn. Hai ông bà có một người con là Bác sĩ Lê Dung, trước đây có mở phòng mạch trong khu Phước Lộc Thọ và dường như hiện nay đang sống tại tiểu bang California.

Theo ông Quang Minh, tác giả cuốn “*Cách Mạng Việt Nam Thời Cận Kim: Đại Việt Quốc Dân Đảng*”²⁵, thì vào cuối năm 1947, Đại Việt Quốc Dân Đảng vẫn tiếp tục thúc dục Cựu Hoàng Bảo Đại tích cực tranh đấu để người Pháp quyết định rõ ràng về việc sát nhập Nam Kỳ thuộc địa vào Việt Nam Thống Nhất cho nên đã không tham gia Chính phủ Lâm Thời. Trong thời gian này, ĐVQĐD xú bộ Nam Việt có thành lập một đoàn thể ngoại vi, đó là Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn do Đỗ Văn Năng lãnh đạo. Đoàn kỳ là nền vàng 3 ngôi sao xanh ở góc trái.

²⁴ Phạm Văn Liễu: “*Trở Ta Sông Núi*,” Nhà Xuất Bản Văn Hoá, Houston, Texas, 2002, trang 221

²⁵ Quang Minh: “*Cách Mạng Việt Nam Thời Cận Kim: Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng, 1938-1995*,” Nhà Xuất bản Văn Nghệ, Westminster, California, 2000, tr. 205-210

“Hoạt động của TNBQĐ càng ngày càng đi sâu rộng vào quảng đại quần chúng, các làng mạc xa xôi ở Miền Nam đều có sự hiện diện của TNBQĐ nhằm tuyên truyền cổ vũ cho đường lối của Quốc Gia, Dân Tộc, bài bác chế độ Cộng sản và hàng ngũ cán bộ của Cộng sản giả danh kháng chiến yêu nước. Vì vậy đến tháng 1 năm 1950, Việt Minh Cộng sản đã lên lút ám sát ông Đỗ Văn Năng trong khi dùng xe đạp đi từ nhà ở Vườn Bờ-rô (Vườn Tao Đàn) đến trụ sở của TNBQĐ ở Tân Định. Gia đình và Đảng đã an táng Đỗ Văn Năng rất trọng thể tại nghĩa địa Mạc Đĩnh Chi tại Sài Gòn, mộ của ông Đỗ Văn Năng thuộc loại quý nhất ở trong nghĩa địa thời bấy giờ.”

“Trong thời gian ông Đỗ Văn Năng còn sống, TNBQĐ đã mở một trung tâm huấn luyện tại Nha Trang, ngoài việc huấn luyện về chuyên môn còn có phần huấn luyện về chính trị do các đảng viên Hùng Nguyên (Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy), Phạm Thái (Dân biểu Nguyễn Ngọc Tân sau này) phụ trách. Khi Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn giữ chức Bộ Trưởng Thanh Niên trong Chính phủ Bảo Đại vào tháng 7 năm 1949, TNBQĐ đã phát triển mạnh mẽ ở Bắc Việt và trong thời gian này Xứ Bộ Nam Việt của ông Đỗ Văn Năng đã gửi tặng cường cho Xứ Bộ Bắc Việt một đoàn cán bộ do ông Trần Văn Xuân hướng dẫn, trong số đó có Lê Bình Tăng (sau này là nhà văn Lê Xuyên, tác giả “Chú Tư Cầu”), Hùng Nguyên Nguyễn Ngọc Huy, Phạm Thái Nguyễn Ngọc Tân, Hoài Sơn Ung Ngọc Nghĩa, Quang Thanh Nguyễn Văn Tại v.v.. Phái đoàn của Xứ Bộ Miền Nam ra miền Bắc với hai nhiệm vụ là mở rộng TNBQĐ trên toàn quốc và giúp Xứ Bộ miền Bắc củng cố lại nội bộ, thắt chặt tình đồng chí giữa Bắc Nam, phổ biến, quảng bá thêm về Chủ Nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn và chính cương điều lệ, đảng quy.

“Ông Đỗ Văn Năng quê ở Chợ Lách tỉnh Vĩnh Long, theo tân học (của người Pháp) nhưng vẫn võ kiêm toàn, nhất là về võ thuật. Đỗ Văn Năng thuộc vào hạng tuyệt luân, có thể bước trên những hàng cọc gỗ để đấu võ. Đỗ Văn Năng lại là đảng viên Đảng Xã Hội Pháp gọi tắt là SFIO mà thủ tướng Chính Phủ Lâm Thời là Trung Tướng Nguyễn Văn Xuân cũng là đảng viên đảng của SFIO nên đã cấp giấy phép và không tạo trở ngại trong việc hoạt động và phát triển TNBQĐ. Đỗ Văn Năng thuộc lớp người trẻ có thực tài và nhiều uy tín nên đã quy tụ rất đông đảo thanh niên giàu lòng yêu nước, yêu dân tộc của miền Nam. Các cơ sở của TNBQĐ đã lan rộng khắp các tỉnh ở Miền Nam mà không hề có một trở ngại nào về phía Chính phủ Lâm thời.

“Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn không những chống lại Việt Minh, chống lại Cộng sản, mà còn chống lại Thực dân Pháp và tập đoàn thực dân thuộc địa đang âm mưu thành lập một “nước Nam Kỳ tự trị” vĩnh viễn thuộc về người Pháp. Ông Quang Minh kể lại chuyện Tướng Pierre Boyer De La Tour Du Moulin, Ủy Viên Cộng Hoà Pháp ở Nam Kỳ (tức là Thống Đốc Nam Kỳ) đã cảnh cáo ông Đỗ Quang Năng rằng:

“...Tôi là người Pháp, tôi có nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi của nước Pháp. Các ông phải chấm dứt chống phá (nhóm thực dân người Pháp chủ trương Nam Kỳ Tự Trị) hay ít nhất cũng giảm thiểu sự chống đối đi. Nếu không thì tôi buộc lòng phải đối phó một cách quyết liệt. Tôi sẽ rất tiếc nếu phải làm như vậy vì lúc nào tôi cũng tôn trọng ông là người mà tôi nhìn nhận là đứng đắn...”

“Ông Đỗ Quang Năng đã điềm tĩnh trả lời:

“...Tôi rất cảm ơn ông đã tỏ ra thành thật với tôi và tôi thấy có nhiệm vụ cũng phải thành thật với ông. Xin ông hiểu cho rằng ông yêu nước Pháp như thế nào thì tôi cũng yêu nước Việt Nam của tôi như thế ấy và ông có quyết tâm bảo vệ quyền lợi của Pháp như thế nào thì tôi cũng có quyết tâm bảo vệ quyền lợi nước của nước Việt Nam như thế ấy...”²⁶

Theo cựu Đại Tá Phạm Văn Liễu thì mùa Xuân năm 1950, ông Đỗ Văn Năng bị Việt Minh ám sát tại Sài Gòn và sau khi ông từ trần, ông Trần Văn Xuân được cử thay thế trong coi TNBQĐ nhưng ông này không tài giỏi bằng ông Năng cho nên chẳng bao lâu sau thì tổ chức này bị tan rã. Tuy nhiên ông Quang Minh cho biết:

“Trần Văn Xuân được Đảng cử thay thế ông Đỗ Văn Năng đảm nhận chức vụ Thủ Lãnh Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn Trung Ương. Trần Văn Xuân quê ở Thốt Nốt, Long Xuyên, theo tân học, tính khí rất cương trực, vóc dáng cao lớn, khoẻ mạnh và cũng tinh thông võ thuật như Đỗ Văn Năng. Vì thích hợp tính khí với nhau nên từ thuở ban đầu Trần Văn Xuân và Đỗ Văn Năng đã đồng tâm thực hiện chủ trương quy tụ các thanh niên yêu nước, có nhiệt huyết của dân tộc Việt Nam, những thanh niên vì chưa có người lãnh đạo nên đã bị Cộng sản lợi dụng đưa đi lạc đường...”²⁷

Đến khi De Lattre De Tassigny được bổ nhiệm làm Cao Ủy kiêm Tổng Tư Lệnh Quân Đội Pháp tại Đông Dương ngày 8-12-1950, ông ta vốn có nhiều ác cảm với các chính đảng Việt Nam nên đã tìm mọi lý do, nguyên cớ để tạo khó khăn cho Đại Việt QĐĐ. Nhân vụ một thanh niên trong người có mang giấy chứng minh thư của TNBQĐ ném lựu đạn ám sát Tướng Chanson, Ủy Viên Cộng Hoà Pháp tại Nam Việt và Thủ Hiến Thái Lập Thành tại Sa Đéc ngày 31-7-1951, De Lattre đã áp lực buộc chính phủ Trần Văn Hữu phải ký lệnh giải tán TNBQĐ ngày 6-8-51. Ông Trần Văn Xuân lúc bấy giờ đang công tác ở Bắc Việt đã khẳng khái phản đối nên đã bị Nguyễn Văn Tâm, Tổng Trưởng An Ninh trong chính phủ Trần Văn Hữu bắt giam vào khám đường Hoả Lò mãi cho đến năm 1953 mới được trả tự do. Trong thời gian Trần Văn Xuân bị giam giữ, Xứ Bộ miền Nam đã nhờ Xứ bộ miền Bắc lo việc thăm nuôi săn sóc hàng tuần và Bà Cả Tề là người đảm trách công tác này.”²⁸

Như vậy thì nguyên nhân khiến cho TNBQĐ tan rã là vì Cao Ủy kiêm Tổng Tư Lệnh Quân đội Pháp là Tướng De Lattre de Tassigny ra lệnh giải tán chứ không phải là vì ông Trần Văn Xuân không đủ tài.

Cụ Trần Văn Hương không bao giờ gia nhập một đảng phái chính trị nào, tuy nhiên qua ông Đỗ Văn Năng, cụ có nhiều cảm tình với tổ chức TNBQĐ hồi đó. Cái chết của ông Đỗ Văn Năng đã để lại một vết thương rất sâu đậm trong lòng Cụ Trần Văn Hương vì Cụ rất yêu quý, Cụ đã đặt rất nhiều kỳ vọng vào người học trò cũ này, đó cũng là một

²⁶ Quang Minh: sdd, trang 205

²⁷ Quang Minh: sdd, trang 207

²⁸ Quang Minh: sdd, trang 210

trong những lý do mà Cụ không bao giờ tha hiệp với Cộng sản vì họ đã giết ông Đỗ Văn Năng mà cụ xem là một người quốc gia yêu nước và đó cũng là một trong những lý do mà Cụ đã dành rất nhiều cảm tình cho các thanh niên trẻ tuổi hồi đó là đoàn viên của tổ chức TNBQĐ và giới thiệu cho họ vào những chức vụ khá quan trọng trong chính quyền sau này, một trong những nhân vật đó là Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, một trong 5 vị tướng lãnh đã tử tiết vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Ít lâu sau khi ông Đỗ Văn Năng từ trần, một người học trò cũ khác của Cụ là ông Năm Đổm làm việc ở Toà Đô Chánh năn nỉ mời Cụ về ở nhà của ông ở đường Tự Đức vùng Đakao. Hàng ngày Cụ đạp xe đạp từ Đakao lên ga xe lửa Sài Gòn làm việc ở nhà thuốc tây. Công việc của Cụ chỉ là công việc của một người thư ký, so với làm giáo sư trung học thì dĩ nhiên là lương tiền và địa vị xã hội cách xa một trời một vực, tuy nhiên Cụ nhất định không trở lại nghề dạy học vì không muốn lãnh lương của người Pháp, do đó đã tiếp tục làm công việc này cho đến khi được mời làm đô trưởng Sài Gòn.

Trong suốt thời gian làm thư ký cho nhà thuốc tây, Cụ thường gặp gỡ một số bạn bè của Cụ như Bác sĩ Hồ Văn Nhựt, Bác sĩ Nguyễn Tăng Nguyên, Bác sĩ Trần Văn Đỗ, ông Trần Văn Văn, ông Hồ Tá Khanh, cựu bộ trưởng Kinh Tế trong nội các Trần Trọng Kim và sau năm 1952 thì lại có thêm Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên mới bỏ hàng ngũ kháng chiến trở về thành. Trong những buổi gặp gỡ này, các cụ thường bàn luận chuyện thời sự, chuyện kinh tế xã hội và chuyện chính trị v.v. Sau năm 1954, khi có nhiều nhân vật chính trị từ miền Bắc di cư vào Nam thì nhóm này được mở rộng và đến năm 1960 thì được mọi người biết đến dưới cái tên là “*Nhóm Caravelle*.”

HỘI NGHỊ GENÈVE VỀ ĐÔNG DƯƠNG 1954

Thời kỳ ảm đạm hay thời kỳ trùm chần gần mười năm của ông Trần Văn Hương kết thúc vào năm 1954. Ông Ngô Đình Diệm, người đã từng từ chức Thượng Thơ Bộ Lại năm 1933, không hợp tác với thực dân Pháp và cả Việt Minh Cộng sản từ hồi đó và Giáo sư Trần Văn Hương, người đã không hề hợp tác với cả người Pháp và Việt Minh từ năm 1946, đã cùng hợp tác trong chính phủ Việt Nam đầu tiên hoàn toàn độc lập trong tay người Pháp. Ông Trần Văn Hương đã thề sẽ không bao giờ cộng tác với thực dân Pháp, tuy nhiên có hai yếu tố đã khiến cho ông chấp nhận lời mời tham chánh của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, đó là Hội nghị Genève và Hiệp ước Paris ngày 24 tháng 4 năm 1954 trao trả hoàn toàn độc lập cho Việt Nam.

Mùa Xuân năm 1954, tình hình quân sự tại Bắc Việt biến chuyển nghiêm trọng, nhất là sau khi quân đội Việt Minh, được sự viện trợ tích cực về vũ khí, quân trang và quân dụng, kể cả cố vấn của Trung Cộng, mở cuộc tấn công đại quy mô vào căn cứ lòng chảo Điện Biên Phủ vào tháng 3 năm 1954 và căn cứ này đã bị thất thủ vào ngày 7 tháng 5 năm đó. Tại Pháp, sau khi nội các của Thủ tướng Joseph Laniel bị đổ và vào ngày 14 tháng 6 năm 54, ông Pierre Mendes-France được tổng thống Pháp René Coty đề cử làm thủ tướng. Khi ra điều trần tại quốc hội vào ngày 17 tháng 6, ông Mendes-France đã

“cam kết sẽ từ chức nếu trong kỳ hạn 1 tháng, tức là đúng vào ngày 20 tháng 7 năm 1954, mà ông không đạt được ngưng bắn tại Đông Dương.” Ngày 18 tháng 6, ông Pierre Mendes-France được quốc hội Pháp tấn phong làm thủ tướng với 419 phiếu thuận, 47 phiếu chống và 143 phiếu trắng. Thủ tướng Mendes-France kiêm luôn chức vụ ngoại trưởng và sau đó đã đích thân cầm đầu phái đoàn Pháp sang tham dự hội nghị Genève về vấn đề Đông Dương đã khai diễn từ ngày 8 tháng 5 năm 1954.

Những người Cộng sản thường xuyên tuyên truyền rằng Hội nghị Genève được triệu tập vì họ đã đánh bại người Pháp tại Điện Biên Phủ.

Điều này hoàn toàn không đúng.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 1954, tứ cường Anh, Pháp, Mỹ và Liên Xô họp tại Berlin để bàn về vấn đề hai nước Đức. Trong phiên họp này, Ngoại trưởng Nga Molotov đề nghị mời thêm Trung Cộng để thảo luận về vấn đề Triều Tiên và đề nghị này đã được tam cường Tây phương chấp thuận. Nhân dịp này, ngoại trưởng Pháp George Bidault đưa ra đề nghị là hội nghị tứ cường nên thảo luận thêm về vấn đề Đông Dương và đề nghị này cũng được Anh quốc, Hoa Kỳ và Liên Xô chấp thuận nốt. Sau đó, hội nghị Tứ cường tại Berlin đã quyết định sẽ mời Trung Cộng tham gia một hội nghị tại Genève về Triều Tiên khai diễn ngày 26 tháng 4 và sau đó về Đông Dương khai diễn ngày 8 tháng 5 năm 1954, do đó ngày khai diễn hội nghị Genève không có dính dáng gì đến trận Điện Biên Phủ vì đã được tứ cường quyết định từ tháng 1 năm 1954, hai tháng trước ngày trận đánh này xảy ra vào tháng 3 năm đó.

Hội nghị Genève về Đông Dương khai diễn với sự hiện diện của Ngũ cường Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô và Trung Cộng cùng với bốn phe tại Đông Dương là Lào, Cambodge, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Quốc Gia Việt Nam. Phái đoàn Việt Minh hay Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do Phạm Văn Đồng cầm đầu với hai phụ tá chính là Phan Anh, Bộ Trưởng Kỹ Nghệ và Thương Mại và Hoàng Văn Hoan, đại sứ tại Bắc Kinh kiêm nhiệm thêm chức vụ Phát ngôn viên của phái đoàn. Phái đoàn Quốc Gia Việt Nam do Ngoại Trưởng Nguyễn Quốc Định trong chính phủ Bửu Lộc cầm đầu nhưng đến ngày 20 tháng 6 năm 1954 thì do Bác sĩ Trần Văn Đỗ, tân Ngoại Trưởng trong chính phủ Ngô Đình Diệm làm trưởng phái đoàn.

Nửa đêm về sáng ngày 20 tháng 7 năm 1954, đại biểu các nước tham dự Hội nghị Genève ký kết một bản thoả ước phân chia nước Việt Nam làm hai phần, từ vĩ tuyến thứ 17 ra Bắc thuộc quyền cai trị của Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà tức là Việt Minh và từ vĩ tuyến thứ 17 trở vào Nam thuộc quyền của Chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Đại diện của chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Quốc gia Việt Nam không ký vào bản hiệp định này. Ngày hôm sau, các phái đoàn tại Hội nghị Genève về Đông Dương lại đưa tay biểu quyết một Tuyên ngôn Sau cùng (Final Declaration) nói rằng sau hai năm kể từ ngày ngưng chiến thì sẽ tổ chức một cuộc bầu cử để thống nhất hai miền Nam-Bắc, tuy nhiên cả Hoa Kỳ và Việt Nam cũng đều không có đưa tay để biểu

quyết, có nghĩa là cả hai chính phủ này không chấp thuận điều đó và cũng không có trách nhiệm phải thi hành điều đó.

Sau Hiệp định Genève, khoảng một triệu người miền Bắc đã tìm mọi cách, mọi phương tiện liêu chết di cư vào miền Nam và tân chính phủ của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm thì chỉ mới thành lập vào ngày 7 tháng 7 năm 1954 cho nên đã gặp phải rất nhiều khó khăn trong mọi lãnh vực, do đó ông Trần Văn Hương đã nhận lời mời của Thủ Tướng Diệm đứng ra nhận lãnh chức vụ Đô Trưởng Sài Gòn.

ĐÔ TRƯỞNG SÀI GÒN: 1954-1955

Vào năm 1954. Ông Ngô Đình Diệm, người đã từng từ chức Thượng Thơ Bộ Lại năm 1933, không hợp tác với thực dân Pháp và cả Việt Minh Cộng sản từ hồi đó và Giáo sư Trần Văn Hương, người đã không hề hợp tác với cả người Pháp và Việt Minh từ năm 1946, đã cùng hợp tác trong chính phủ Việt Nam đầu tiên hoàn toàn độc lập trong tay người Pháp. Ông Trần Văn Hương đã thề sẽ không bao giờ cộng tác với thực dân Pháp, tuy nhiên có hai yếu tố đã khiến cho ông chấp nhận lời mời tham chánh của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, đó là Hội nghị Genève và nhất là Hiệp ước Paris ngày 24 tháng 4 năm 1954 trao trả hoàn toàn độc lập cho Việt Nam.

Sài Gòn đã trở thành thủ đô của Quốc Gia Việt Nam từ ngày Quốc trưởng Bảo Đại trở về chấp chính và sau Hiệp Định Genève với số người di cư đông đảo từ miền Bắc vào Nam, dân số đô thành đã gia tăng đến cả gần hai triệu người. Vì gặp phải sự chống đối của nhiều phe phái đa số là người Miền Nam, do đó Thủ Tướng Diệm muốn tìm một nhân vật người miền Nam, một nhân vật có tài, có đức độ và nhất là có đầy đủ uy tín để gánh vác trách nhiệm lãnh đạo guồng máy chính quyền tại thủ đô. Do sự đề nghị, tiến dẫn của một số thân hào nhân sĩ miền Nam, ngày 27 tháng 10 năm 1954, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã mời giáo sư Trần Văn Hương làm Đô Trưởng Sài Gòn thay thế Đốc phủ sứ Nguyễn Phước Lộc, người được xem như là thân với chính quyền của người Pháp.

Người viết cũng được nghe nói về một vài sự đồn đại thời đó nói rằng người giới thiệu và đề nghị Thủ Tướng Ngô Đình Diệm mời ông Trần Văn Hương làm đô trưởng Sài Gòn chính là Giám mục Ngô Đình Thục, anh ruột của ông Diệm. Ông Ngô Đình Thục làm Giám Mục Địa Phận Vĩnh Long trong một thời gian khá dài, do đó ông đã được nghe nói về Đốc Học Trần Văn Hương và uy tín của ông trong giới trí thức cũng như dân chúng miền Nam. Dường như ban đầu ông Hương không muốn nhận chức vụ đô trưởng, nhưng sau đó thì chính Dực Sĩ Nghiêm Xuân Hàm cũng bị gây áp lực do đó mà ông đã thuyết phục ông Hương phải nhận lời.

Ông Trần Văn Hương, người đã từng thề trước bàn thờ tổ quốc là sẽ không bao giờ cộng tác với người Pháp, người đã “trùm chẵn” trong suốt gần 10 năm sau khi rời bỏ hàng ngũ kháng chiến, đã nhận lời mời của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ra làm Đô Trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn một phần nữa là vì sau khi bản hiệp ước ký với nước Pháp ngày 4

tháng 6 năm 1954, người Pháp tuy vẫn có quân đội tại Việt Nam nhưng không còn có ảnh hưởng gì trong lãnh vực chính trị cũng như là việc điều hành guồng máy hành chánh, tài chánh của Việt Nam nữa. Nói chung thì sau bản Hiệp ước Paris ngày 24 tháng 4 năm 1954 giữa Thủ Tướng Joseph Laniel của Pháp và Thủ Tướng Bửu Lộc của Chính phủ Quốc Gia Việt Nam thì nước Việt Nam đã được hoàn toàn độc lập.

Vào tháng 10 năm 1954, khi ông nhận lời làm Đô Trưởng Sài Gòn thì một số bạn bè đã khuyên ông không nên hợp tác với ông Ngô Đình Diệm vì ông Diệm là người quan liêu, phong kiến, độc tài thì ông trả lời rằng:

“Đã đến lúc tất cả mọi người miền Nam đều có bổn phận phải đầu lưng góp sức để xây dựng một miền Nam hùng mạnh về kinh tế, chính trị và quân sự để đương đầu với Cộng sản trong tương lai và đây là cơ hội cuối cùng, do đó dù rằng ông Diệm có không thực tâm đi nữa thì vẫn phải nhận lời vì tôi quan niệm rằng phục vụ cho đất nước là nghĩa vụ của tất cả mọi công dân.”

Cụ nói thêm rằng:

“Đất nước mới dành được độc lập và mỗi cá nhân đều phải có bổn phận phải đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước, tuy nhiên đến khi nào mà những người lãnh đạo không đi đúng theo đường lối chính đạo, khi mà những người lãnh đạo trở thành độc tài đảng trị như Cộng sản thì chừng đó mình có quyền rút lui.”

Ngày đầu tiên nhậm chức, cũng như thường lệ, ông tân Đô Trưởng Trần Văn Hương vẫn đạp xe đạp cũ như thời còn làm thư ký nhà thuốc tây từ Đa Kao đến Tòa Đô Chánh và nhân viên cảnh sát gác ở đây đã không cho ông vào vì họ không thể tin rằng một người đi xe đạp như một người lao động mà lại là ông tân Đô trưởng. Ngày hôm sau, báo chí Sài Gòn đăng ngay trên trang nhất với những hàng tít đậm về cái tin ông tân Đô Trưởng Trần Văn Hương đã đi xe đạp đến nhậm chức và cái tin này được hầu hết mọi tầng lớp dân chúng đô thành và cả tại các tỉnh đều hoan nghênh nhiệt liệt. Ngày xưa dưới thời đất nước còn bị người Pháp cai trị, ông đô trưởng là một con người đầy quyền thế, một người “*hét ra lửa*” và người dân không dám đến gần, nay thì người Pháp vừa mới trao trả độc lập và hình ảnh một ông đô trưởng đạp xe đạp đi làm việc giống như mọi người dân khác trong đô thành là một sự cách mạng, một luồng gió mới đem lại sự tin tưởng của nhân dân đối với chính phủ mới.

Trong suốt thời gian làm đô trưởng, ông Trần Văn Hương là một người thanh liêm, cần mẫn, bao giờ cũng hoà nhã với mọi người, từ dân chúng cho đến công chức, cán bộ, do đó ông rất được đồng bào thương mến, quý trọng. Đối với dân chúng Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn hồi đó, họ coi ông Đô trưởng Trần Văn Hương như là một vị anh hùng của họ. Tuy nhiên, được đồng bào đô thành thương yêu và ủng hộ cũng không phải là điều tốt vì những người tay chân của Thủ tướng Ngô Đình Diệm, nhất là ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu lại không muốn thấy có bất cứ nhân vật nào ở Miền Nam được nổi tiếng, được dân chúng ủng hộ và có uy tín bằng hoặc hơn ông Ngô Đình Diệm.

Không đầy sáu tháng sau, ngày 7 tháng 4 năm 1955, dân chúng đô thành cũng như khắp mọi nơi trên toàn cõi miền Nam đều sửng sốt khi được tin Đô trưởng Trần Văn Hương từ chức. Lý do khiến ông từ chức hồi đó không ai được biết vì ông không công khai nói với ai, chính quyền của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cũng không hề công bố lý do tại sao ông Trần Văn Hương từ chức Đô Trưởng và những người được biết lý do khiến ông từ chức thì lại cũng chẳng nói với ai, do đó gần như trong quần chúng không mấy ai được biết rõ cái nguyên nhân thực sự đã khiến cho ông từ chức.

Lý Do Cụ Trần Văn Hương Từ Chức Đô Trưởng Năm 1955

Sau khi từ chức đô trưởng, ông Trần Văn Hương có nói với một số người quen biết ông rằng ông từ chức đô trưởng vì cảm thấy phải chịu trách nhiệm về việc đã không bảo vệ được cho dân chúng đô thành tránh khỏi sự chết chóc và nhà tan cửa nát trong chiến cuộc giữa Quân Đội Quốc gia và nhóm Bình Xuyên. Theo hai nhân vật Nguyệt Đạm và Thần Phong, tác giả cuốn “*9 Năm Máu Lửa Dưới Chế Độ Gia Đình Trị Ngô Đình Diệm*” thì Cụ Trần Văn Hương đã viết trong thư xin từ chức như sau: “*Tôi lấy làm hổ thẹn với chức Đô Trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn vì không bảo vệ được dân chúng trong biến cố xảy ra đêm 29-3-55 vừa qua.*”²⁹

Trong bài thơ “*Năm Mươi Lăm Tuổi Tự Thuật*,” Cụ Trần Văn Hương có nói rằng:

*Trúc vỡ, thông gãy mấy độ qua,
Năm mươi lăm tuổi, nghĩ đâu già.
Phúc dân trót hổ không đem lại,
Trường hoạn thôi đành phải bước ra.(1)
Dày dạn chiếc thân cho bụi lấm,
Thẹn thùng mái tóc để sương pha.
Nhấn ai chớ vội cười ta dỡ,
Còn nước lo chi chẳng có nhà.(2) ³⁰*

Chính quyền của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm không hề loan báo nguyên nhân đã khiến cho Đô Trưởng Trần Văn Hương từ chức, cả hai cuốn sách “*9 Năm Máu Lửa Dưới Chế Độ Gia Đình Trị Ngô Đình Diệm*” cũng như tập thơ “*Bó Hoa Cuối Mùa*” đến 10 năm sau mới được xuất bản, cho nên dân chúng đô thành lúc đó không hề hay biết gì về nguyên nhân sự từ chức này. Thực ra thì trong những trận đánh giữa quân đội và nhóm Bình Xuyên thì sự thiệt hại về sinh mạng không mấy quan trọng cho lắm. Theo bà Ellen Hammer thì chỉ có khoảng 800 người thường dân vừa bị tử nạn vừa bị thương, tuy nhiên

²⁹ Nguyệt Đạm và Thần Phong: “*9 Năm Dưới Chế Độ Gia Đình Trị Ngô Đình Diệm*,” Tác giả Xuất bản, Sài Gòn 1964

³⁰ Trần Văn Hương: “*Bó Hoa Cuối Mùa*,” Năm Mươi Lăm Tuổi Tự Thuật, trang 52.

(1) “*Nhận làm Đô trưởng Sài Gòn chưa đầy 5 tháng, thấy mình bất tài, chẳng làm gì giúp dân chúng bớt khổ nên từ chức.*”

(2) Nghỉ làm đô trưởng ít lâu, có giấy đòi căn phố của chính phủ cho ở khi làm việc, phải mau mau trả lại dời đi nơi khác.

một số nhà cửa, khoảng 20,000 căn nhà trong khu vực đại lộ Trần Hưng Đạo và đại lộ Cộng Hoà kế bên Nha Cảnh sát Đô Thành, từ cầu Chữ Y đến trường Trung học Pétrus Ký, hồi đó gọi là khu Nancy, đã bị cháy rụi.³¹ Trên nguyên tắc, đó là một trận chiến do quân đội của quốc gia tấn công và diệt trừ một nhóm thảo khấu võ trang để mang lại hoà bình và an cư cho dân chúng, thì đó là quyết định và trách nhiệm của chính quyền trung ương tức là chính phủ hay ông thủ tướng, chứ không phải là trách nhiệm của chính quyền địa phương tức là toà đô chánh hay ông đô trưởng vì ông đô trưởng không có cái quyền ra lệnh cho quân đội. Như vậy thì cái lý do ông nêu ra để từ chức không phải là lý do chính đáng và hồi đó nhiều người đã nghi rằng có một nguyên nhân nào khác khiến cho ông từ chức, tuy nhiên vì ông không nói ra cho nên rất ít người biết đến lý do về việc từ chức này.

Ba mươi bảy năm sau, ông Hồ Sĩ Khuê mới nói rõ lý do khiến Cụ Trần Văn Hương từ chức đô trưởng Sài Gòn-Chợ lớn hồi tháng 4 năm 1955 như sau:

“Khi đã rõ mình làm tay sai cho một chế độ Toàn quyền (tức là chế độ giống như hồi thực dân Pháp còn cai trị toàn cõi Đông Dương), ông Trần Văn Hương từ chức đô trưởng Sài Gòn, noi gương Cụ Huỳnh Thúc Kháng, Viện trưởng Viện Dân Biểu Trung Kỳ, noi gương ông Diệm, thượng thư Nam Triều (Ngô Đình Diệm từ chức năm 1933.) Người Nam Bộ cảm phục phản ứng của nhà giáo già Nam Bộ.”³²

Hồ Sĩ Khuê là ai?

Ông Khuê là bạn học cùng lớp với ông Ngô Đình Cẩn, em út của ông Ngô Đình Diệm. Hai người cùng theo học tại trường Trung học Providence ở Huế hồi trước năm 1945. Ông Khuê đi theo kháng chiến một thời gian rồi bỏ hàng ngũ kháng chiến về sống ở Huế. Lúc bấy giờ, khoảng năm 1947-1948, ông Ngô Đình Diệm đang sống ở Sài Gòn và ông Ngô Đình Cẩn đã tha thiết yêu cầu ông Hồ Sĩ Khuê vào Sài Gòn giúp đỡ và làm phụ tá cho ông Diệm. Trong thời gian này, ông Khuê ăn cùng mâm, ngồi cùng chiếu với ông Diệm, được ông Diệm đối xử như một người em, như một đồng chí và hai người thường thảo luận về những đường lối, chương trình hành động nếu một mai khi ông Diệm được lên nắm chính quyền. Trong thời gian này, ông Ngô Đình Diệm có chủ trương một tờ báo lấy tên là “*Hoa Lư*” và người coi sóc về bài vở là ông Hồ Sĩ Khuê, với sự phụ giúp về phần kỹ thuật của Văn Bia, lúc đó còn rất trẻ nhưng sau này là ký giả nổi tiếng của nhiều tờ báo như Thần Chung, Tiếng Dội v.v. tại Sài Gòn hồi trước năm 1954. Ông Hồ Sĩ Khuê đã sống bên cạnh ông Ngô Đình Diệm tại Sài Gòn cho đến khi ông Diệm rời Việt Nam sang Nhật Bản vào năm 1950.

³¹ Ellen J Hammer: sdd, trang 73

³² Hồ Sĩ Khuê: “*Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng*,” Nhà xuất bản Văn Nghệ, Westminster, California 1992. Trang 321

Sau khi ông Diệm trở về làm thủ tướng, dù có được ông Diệm và ông Ngô Đình Cẩn mời ra làm việc nhiều lần nhưng ông Hồ Sĩ Khuê từ chối vì ông nhận thấy ông Thủ tướng Ngô Đình Diệm bây giờ đã có nhiều thay đổi so với ông Ngô Đình Diệm vẫn thường bàn luận chính sự với ông trước ngày xuất dương sang Hoa Kỳ.

Sáu tháng sau khi ông Diệm lên làm thủ tướng, ngày 19 tháng 12 năm 1954, ông Ngô Đình Nhu mời ông Hồ Sĩ Khuê vào Dinh Độc Lập để thảo luận. Ông Khuê nhận lời nhưng ông ta đòi phải có mặt hai ông Bùi Xuân Bào và Tôn Thất Trạch, Đồng Lý Văn Phòng Phủ Thủ Tướng, vì ông Khuê muốn hai người này làm nhân chứng để tránh mọi xuyên tạc sau này.

Sau đây là lời ông Hồ Sĩ Khuê kể lại buổi nói chuyện với ông Ngô Đình Nhu và đó cũng là lần cuối cùng:

“Trước năm 1950, khi chưa ra chấp chánh, ông Diệm đã đồng ý với ông Khuê về điểm sau đây: “dựa vào đất Nam Kỳ, huy động người Nam Kỳ để tranh thắng với Cộng sản. Kết hợp thành phần kháng chiến quốc gia vào chánh quyền, không để cho Việt Minh thao túng danh nghĩa kháng chiến.”

“Trong buổi nói chuyện với ông Nhu tại Dinh Độc lập, ông Khuê nhắc lại điều này với ông Nhu và đề nghị nên công bố chính thức bản tuyên ngôn 1950 của ông Diệm để vinh danh những người kháng chiến quốc gia. Ông Nhu nói rằng: “Không phải ông Diệm không muốn làm việc đó, nhưng việc tế nhị quá phải đi từ từ. Ông nói người Mỹ không mấy thường thức bản tuyên ngôn nên phải dè dặt đừng để cho Hoa Kỳ e ngại.”

“Ông Khuê nói thẳng: “Từ sáu tháng qua, chính phủ đã làm sai nhiều rồi, phải thay đổi kịp thời nếu không muốn hỏng to. Cụ đã từng bảo tôi rằng nếu ta có được đất Nam Kỳ, được người Nam kỳ thì Hồ Chí Minh sẽ không làm gì được. Nay Cụ đã có miền Nam tức là đất Nam Kỳ, đã có người miền Nam tức là người Nam Kỳ, tại sao lại đẩy họ ra ngoài vì chính quyền? Ông Cụ thường nói “thiên lý tại nhân tâm,” phải thu phục cho được nhân tâm trong phạm vi này. Người Nam Kỳ không hề có tinh thần ly khai cho nên không lo họ đòi ly khai. Điều đáng lo là đừng để cho họ thờ ơ rồi sau đó muốn “ly dị” với chính quyền Sài gòn. Ông Khuê nói thêm với ông Nhu rằng:” Ông Cụ phải tin người và tiên quyết phải tin người Nam Kỳ và muốn dựa vào người Nam Kỳ thì phải để cho họ tham dự vào quyền chính.”

Ông Nhu xướng giọng: “Ông Cụ đã chọn một số nhân vật người Nam vào chính phủ. Nguyễn Ngọc Thơ, Bùi Văn Thịnh, Trần Văn Hương không phải là người Nam Kỳ thì là người gì?”

Ông Khuê trả lời: “Vấn đề không phải là đưa người Nam vào trong chính phủ. Thưa hành không có nghĩa là tham chánh, chọn một vài công chức cao cấp người Nam cho làm tổng bộ trưởng chỉ lo thừa hành mà không có thẩm quyền quyết định thì không thể bảo là Cụ chia xẻ quyền hành với người Nam. Người Nam chẳng cần nắm giữ địa vị Nhà Nước nhưng phải để cho người Nam có quyền tham dự vào các trung tâm quyết định

chính trị của Nhà Nước. Cụ là một lãnh tụ chánh trị thì phải dùng chính trị mà làm việc nước, không thể chỉ có cai trị mà thôi.”

“Ông Nhu cúi hẳn và nói với ông Khuê bằng tiếng Pháp nguyên văn như sau:

“*Les Cochinchinois sont des “traîtres” (*) et vous voulez qu’on partage le pouvoir avec eux!*” (Xin tạm dịch: “người Nam Kỳ là những kẻ “phản bội,” vậy mà anh muốn chúng tôi phải chia sẻ quyền hành với họ hay sao?)

“Ông Khuê kết luận như sau để kiếu từ ông Nhu: “Người Nam Kỳ, nếu quả là “traîtres” như ông nói, thì chính quyền Sài gòn (của ông Diệm) không có tương lai”³³.

(*) Chú thích của người viết: nếu một người Việt Nam hồi đó mà gọi một người Việt Nam khác là “*traître*” thì những danh từ đúng nhất để dịch chữ này sang tiếng Việt là “*phản quốc*,” “*bán nước*” hay “*Việt gian*.”

Không rõ ông Ngô Đình Nhu dùng chữ Cochinchinois để ám chỉ ai ? Phải chăng ông dùng chữ Cochinchinois để ám chỉ những người còn theo chủ trương « *Nam Kỳ Tự Trị* » thời năm 1946-1947 hay là những người sống ở đất Nam Kỳ nói chung. Nếu ông Ngô Đình Nhu muốn dùng chữ Cochinchinois để ám chỉ người miền Nam thì nhận xét của ông Hồ Sĩ Khuê rất đúng: chế độ Đệ Nhất Cộng Hoà của ông Ngô Đình Diệm không có tương lai vì chỉ 9 năm sau chế độ này bị lật đổ và cả hai anh em ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đều bị giết chết bởi một số tướng lãnh gốc Nam Kỳ : Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân....

Như vậy, theo nhận xét của ông Hồ Sĩ Khuê thì “*sau khi nhận rõ mình làm tay sai cho một chế độ toàn quyền*,” ông Trần Văn Hương từ chức đô trưởng Sài gòn. Lúc bấy giờ người Pháp đang trên đường về nước, ông Ngô Đình Diệm đang làm thủ Tướng Chính Phủ Quốc Gia Việt Nam, làm sao mà còn chế độ Toàn Quyền?

Chế độ Toàn quyền là gì?

Theo ông Hồ Sĩ Khuê thì: “*Chế độ Toàn quyền không phải là một thể chế (régime politique) vì không có bản chất chính trị. Chế độ toàn quyền chỉ là một tổ chức cai trị, dành cho các xã hội bị trị.*”

“*Thực dân Pháp thôn tính xong Việt Nam, Cao Mên và Ai Lao bèn thống nhất nền đô hộ cả ba nước làm Phủ Toàn Quyền (Gouvernement général de l’Indochine) và giao việc cai trị cho một quan chức Pháp cao cấp gọi là quan “Toàn Quyền.” (Gouverneur Général.)*

“*Phủ Toàn quyền là nguồn gốc quyền bính ở Đông Dương. Viên toàn quyền được chính phủ Pháp bổ nhiệm, nắm trọn trong tay tất cả quyền bính hành pháp, lập pháp và tư pháp. Hành sử các loại quyền bính này là hàng ngũ quan chức do viên toàn quyền bổ nhiệm. Từ cao đến thấp, họ chỉ có nhiệm vụ thừa hành, không ai có quyền quyết định, ngay cả trong phạm vi thẩm quyền của mỗi người. Uy thế của họ tùy thuộc khả năng*

³³ Hồ Sĩ Khuê: sđd, Chương 38:Người Nam Kỳ và Quyền Chính, trang 287-297

chuyên nghiệp được quan toàn quyền tín nhiệm... Tóm lại, đã gọi là chế độ Toàn Quyền thì ngoài quan Toàn Quyền, không ai khác có quyền quyết định chính trị.”

“Thực dân sang nước ta đô hộ, không che đậy bản chất cai trị, nên xưng danh Nhà Nước rất thật thà là “chế độ Toàn quyền.” Ông Diệm cho thiết lập một chế độ Toàn quyền y hệt, nhưng dấu danh thực bên trong một danh hư: “Cộng Hòa”

“Rút kinh nghiệm bản thân, ông mang khuôn mẫu “Toàn Quyền” áp dụng vào nền “Cộng Hòa” của ông. Ông dùng một số nhân vật Nam Kỳ quanh ông để “sai bảo,” không dành cho họ một quyền lực chính trị nào. Anh em của ông Diệm thường họp kín để quyết định việc nước, không có người nào khác được dự họp bàn. Cho nên “Tổng Thống Cộng Hoà” chỉ là quan “Toàn quyền,” không hơn, không kém. Vì quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp đều do ông nắm giữ một mình...”³⁴

Ba mươi bảy năm sau, ông Hồ Sĩ Khuê đã thay cho Cụ Trần Văn Hương nói rõ lý do khiến cho Cụ đã noi gương Cụ Huỳnh Thúc Kháng, Viện Trưởng Viện Dân Biểu Trung Kỳ dưới thời Pháp thuộc, đã noi gương một kẻ sĩ khác là Thượng Thơ Bộ Lại Ngô Đình Diệm đã từ chức năm 1933 để phản đối lại chế độ Toàn Quyền của người Pháp, và hành động từ chức của Cụ, một kẻ sĩ miền Nam, đã được ông Hồ Sĩ Khuê, một kẻ sĩ miền Trung, cũng như là “*người Nam Bộ cảm phục phản ứng của nhà giáo già Nam Bộ.*”

Tuyên Ngôn Caravelle

Sau khi từ chức Đô Trưởng Sài Gòn, ông Trần Văn Hương được Bác sĩ Hồ Văn Nhựt mời về làm việc tại Hội Hồng Thập Tự Việt Nam và trong thời gian này ông thường xuyên tiếp xúc, trao đổi ý kiến với một số bạn bè mà về sau trở thành nhóm *Tự Do Tiến Bộ*.

Cho đến năm 1959 thì tình hình tại miền Nam tương đối được an ninh và ổn định. Tuy nhiên đến tháng Giêng năm 1960 thì một biến cố lớn xảy ra tại Tây Ninh. Vào đêm 26 tháng Giêng năm 1960 một đơn vị Cộng sản khoảng 200 người đã tấn công vào một trung đoàn của Sư Đoàn 21 Bộ Binh tại Trảng Súp thuộc tỉnh Tây Ninh, gây cho 66 thương vong, đoạt 350 khẩu súng trường, 30 súng tự động, 150 carines, 40 súng lục, 2 khẩu đại liên, 2 khẩu súng cối và một số đạn dược.³⁵

Đây là lần đầu tiên Việt Cộng tấn công vào một đơn vị chính quy của Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà và gây tổn thất nặng nề cho đơn vị này và vị tư lệnh sư đoàn 21 bị cách chức ngay sau đó. Điều quan trọng là trước đó, tất cả các cấp chỉ huy từ hành chánh đến quân sự đều báo cáo với Tổng Thống Ngô Đình Diệm là ở tại địa phương của họ mọi sự đều tốt đẹp, không có chỗ nào dám báo cáo là Việt Cộng đang gia tăng hoạt động trong vùng lãnh thổ mà họ chịu trách nhiệm, do đó chuyện một trung đoàn của quân đội bị

³⁴ Hồ Sĩ Khuê: sđd, trang 316-319

³⁵ Spencer C. Ticker : « Vietnam », University Press of Kentucky, 1999, trang 93.

thiệt hại nặng nề vì bị khoảng hai trăm Việt Cộng tấn công thì không thể nào đấu được nữa.

Trận này mang đến hậu quả là dân chúng cũng như những bậc thức giả không ở trong chính quyền nhận ra được cái nguy cơ Cộng sản đã gia tăng xâm nhập vào miền Nam và chính phủ cần phải có những biện pháp thích ứng để đối phó với tình hình nguy ngập này. Về sau này thì người ta mới biết từ tháng 5 năm 1959, Thượng Tá Võ Bẩm đã nhận được lệnh của Bộ Chính Trị mở một con đường từ Bắc Việt xuyên qua Lào rồi tiến vào vùng Cao nguyên Trung Phần và biên giới Miên-Việt, con đường này được mang tên là Đường 559 và được báo chí gọi là Đường Mòn Hồ Chí Minh. Qua đường mòn Hồ Chí Minh, Cộng sản Bắc Việt đã đưa hàng chục ngàn cán bộ và quân đội xâm nhập vào miền Nam và trận Trảng Súp cho thấy lực lượng của Cộng sản tại miền Nam đã gia tăng đến mức độ họ có khả năng tấn công vào một trung đoàn của Quân Đội VNCH.

Theo Giáo sư Nguyễn Ngọc An, cựu Tổng trưởng Thông Tin Chiêu Hồi, thì sau vụ Trảng Súp :

“Giới trí thức nhạy cảm có liên hệ với nông thôn đều nhận rõ nguy cơ sắp đến. Thấy nguy thì ai cũng thấy nhưng không ai dám lên tiếng vì e ngại bộ máy công an chìm nổi, đảng Cần Lao Nhân Vị với các tổ chức ngoại vi kiểm soát đời sống dân chúng. Trong bối cảnh nghẹt thở đó, có một người chí khí cao dám làm, dám lên tiếng báo động công khai, người đó là ông Trần Văn Văn, kỹ nghệ gia du học tại Pháp. Ông đặt vấn đề thời sự với nhóm bạn hữu thân tín, trong đó có Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên, cựu Đô Trưởng Trần Văn Hương, thảo luận về tình hình tổng quát, các lãnh vực chánh trị, quân sự, kinh tế, xã hội đang xuống dốc... Khởi sự hành động, ông Nguyễn Lưu Viên sơ thảo bản tuyên ngôn, ông Trần Văn Hương duyệt lại kỹ lưỡng...”³⁶

Vào đầu năm 1960, nhóm Tự Do Tiến Bộ đồng ý cùng nhau thảo một bản điều trần gửi lên cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm để khuyến cáo chính phủ nhằm sửa sai một số sai lầm trong các lãnh vực chánh trị, hành chánh, quân sự và kinh tế xã hội. Bản tuyên ngôn này do 18 nhà trí thức ký tên, lời lẽ ôn hoà, nhã nhặn, khách quan và “*đúng theo tinh thần xây dựng mà chính Cụ thường kêu gọi, để mong chánh phủ sửa đổi ngõ hầu cứu vãn tình thế vô cùng khẩn trương cho sự tồn vong của đất nước.*”

VỀ MẶT CHÁNH TRỊ, bản tuyên ngôn nói rằng nhân dân Miền Nam đang khao khát tự do và thỉnh cầu Tổng thống Ngô Đình Diệm cởi mở chế độ, mở rộng dân chủ, bảo đảm nhân quyền tối thiểu, công nhận đối lập để cho nhân dân có thể nói lên tiếng nói của họ mà không lo sợ. Có được như vậy thì khi so sánh với miền Bắc, nhân dân miền Nam sẽ trân quý cái giá trị của nền tự do dân chủ thực sự của họ và họ sẽ tận dụng mọi nỗ lực và hy sinh để bảo vệ sự tự do và dân chủ đó.

VỀ MẶT HÀNH CHÁNH, bản tuyên ngôn nói rằng bộ máy hành chánh đã trì trệ và sắp sửa hoàn toàn bị tê liệt, cần phải được tái tổ chức ngay tức thì. Bản tuyên ngôn yêu cầu

³⁶ Nguyễn Ngọc An: “*Chung Quanh Vụ Caravelle (1960)*,” Báo Thời Luận, Los Angeles, California

chính phủ phải đặt người cho đúng chỗ, kỷ luật phải được tái phục hồi từ trên xuống dưới và quyền hành phải được đi đôi với trách nhiệm, hiệu năng, sáng kiến, cần kiệm, liêm chính và đó phải là những tiêu chuẩn cần phải được tôn trọng trong việc thăng thưởng. Bản tuyên ngôn cũng yêu cầu chấm dứt mọi ưu đãi đặc quyền dành cho những người có liên hệ gia đình hay đảng phái; các vụ mua quan bán tước, tham nhũng và lạm quyền cần phải được trừng trị. Có như vậy thì mới có thể cứu vãn được tình thế, thu phục được nhân tâm và làm cho dân chúng tin tưởng được rằng một chính quyền công minh chính trực đã được tái lập.

Về phương diện quân sự, bản tuyên ngôn nói rằng đáng lý ra cần phải huấn luyện cho các thanh niên anh tuấn và đầy khí phách đang phục vụ trong quân đội VNCH phải biết trọng ý thức danh dự, xương máu của họ phải được hiến dâng cho nhiệm vụ cao cả là bảo vệ tổ quốc, quân đội không phải là nơi mà nạn bè phái để cho các tinh thần phe nhóm chính trị như là “*phong trào*,” “*cần lao*” đã gây chia rẽ và nghi kỵ trong các anh em quân nhân cùng một hàng ngũ và tệ hại hơn hết là đã dùng sự trung thành với đảng và lãnh tụ một cách mù quáng như là tiêu chuẩn để được cử vào những chức vụ chỉ huy. Điều này đã tạo ra hậu quả vô cùng nguy hiểm cho quân đội mà vụ thảm bại gần đây tại Tây Ninh (vụ Trảng Súp nói ở đoạn trên) là một trường hợp điển hình.

Bản tuyên ngôn nói rằng quân đội là cột trụ của công cuộc bảo vệ quốc gia và cần phải được sử dụng để phục vụ cho quốc gia mà thôi chứ không phải là nơi để cho các phe nhóm hay đảng phái lợi dụng. Tinh thần của Quân đội cần phải được gia tăng, cần phải tạo ra một truyền thống cao thượng phục vụ cho tổ quốc, và tinh thần chiến đấu, lương tâm chức nghiệp cùng với sự quả cảm mới là những tiêu chuẩn cho sự thăng thưởng trong quân đội. Có được như vậy thì khi tổ quốc lâm nguy, quốc gia mới có một quân đội anh dũng nhất tâm nhất trí trong một trách nhiệm duy nhất, đó là bảo vệ tài sản quý giá nhất của chúng ta, đó là đất nước của chúng ta, Việt Nam Cộng Hoà.

Về mặt kinh tế và xã hội, bản tuyên ngôn nói rằng Miền Nam là một vùng đất đai phì nhiêu trù phú, lại không phải dùng tài nguyên để chi cho các chi phí quốc phòng (tất cả đều do Mỹ viện trợ), vậy mà hiện nay có nhiều người thất nghiệp, có nhiều người không có được một mái nhà che nắng che mưa, lúa không bán được, hàng hóa không có người mua, trong khi đó thì hàng trăm ngàn người đã bị luà ra khỏi nhà, ra khỏi xóm làng, ra khỏi công ăn việc làm để đi phục vụ cho một chương trình vô bổ ích, đó là chương trình “*khu trừ mật*,” khiến cho nhân dân ta thán, bất mãn và đó là cơ hội để cho họ nghe theo lời tuyên truyền của Cộng sản. Bản tuyên ngôn yêu cầu chính phủ phải dẹp bỏ mọi chương ngại đã ngăn cản việc phát triển kinh tế, phải dẹp bỏ nạn đầu cơ tích trữ, phải tạo cơ hội thuận lợi cho tư bản trong nước và ngoại quốc đầu tư, khuyến khích kinh doanh, phát triển kỹ nghệ để tạo công ăn việc làm và giảm bớt nạn thất nghiệp trong dân chúng, đồng thời phải đình chỉ việc bắt dân chúng làm xâu và bóc lột sức lao động của họ trong các công trường “*khu trừ mật*.” Có được như vậy thì nền kinh tế mới được phục hồi, nhân dân sẽ được hưởng an cư lạc nghiệp và xã hội sẽ được tái thiết trong một bầu không khí tự do và dân chủ.

Bản tuyên ngôn kết luận:

“Đó là những sự thật mà TT Ngô Đình Diệm không bao giờ được nghe vì người ta cố tình che đậy và nếu không sửa đổi thì một ngày kia sự uất hận của nhân dân sẽ bùng lên để bẻ gãy những xiềng xích đã giam hãm họ. Những người ký tên vào bản tuyên ngôn nói rằng họ chân thành không muốn thấy cái thảm họa hiểm nghèo đó xảy ra cho đất nước cho nên họ đã không quản ngại những hậu quả có thể xảy đến cho bản thân họ và mạo muội gióng lên hồi chuông báo động để cảnh cáo chính phủ về những mối nguy cơ sắp sửa xảy ra này. Họ nói rằng “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách,” do đó họ đã nói lên sự thật, thức tỉnh dư luận, báo động nhân dân và kêu gọi các nhóm đối lập đoàn kết lại để làm tiền phong trong nỗ lực yêu cầu chính phủ sớm cải cách, sửa sai chính sách để cứu vãn tình hình, để bảo vệ chính thể Cộng hòa và bảo toàn cho sự tồn vong của đất nước.”³⁷

Bản tuyên ngôn này mang chữ ký của 18 vị nhân sĩ.

Trừ năm người là Linh mục Hồ Văn Vui, cha sở nhà thờ Chánh Toà Sài Gòn và cha sở họ đạo Tha La quận Trảng Bàng tỉnh Tây Ninh, Cụ Tạ Chương Phùng, cử nhân Hán Học, không hề làm việc cho người Pháp, Cụ Trần Lê Chất, sinh năm 1874, Tú tài khoa Quý Mão 1903, Bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ (không tham chánh) và Giáo sư Trần Văn Hương, cựu đô trưởng Sài Gòn, tất cả những người còn lại đều là cựu tổng bộ trưởng trong các chính phủ thời Quốc trưởng Bảo Đại và thời ông Ngô Đình Diệm mới về chấp chánh. 13 vị đó là ông Trần Văn Văn, cựu Tổng trưởng Kinh tế và Kế hoạch, ông Phan Khắc Sửu, cựu Tổng trưởng Canh Nông, Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên, cựu Tổng Ủy Di cư và Tỵ Nạn, Bác sĩ Huỳnh Kim Hữu, cựu Tổng trưởng Y Tế, Bác sĩ Phan Huy Quát, cựu Tổng trưởng Giáo Dục và cựu Tổng trưởng Quốc Phòng, Trần Văn Lý, cựu Thủ Hiến trung Việt, Bác sĩ Trần Văn Đỗ, cựu Tổng trưởng Ngoại giao, Luật sư Lê Ngọc Chấn, cựu Bộ trưởng Quốc Phòng, Luật sư Lê Quang Luật, cựu Tổng trưởng Thông tin Tuyên truyền, cựu Đại biểu Chính phủ tại Bắc Việt, ông Lương Trọng Tường, cựu Tổng trưởng Kinh Tế, Bác sĩ Nguyễn Tăng Nguyên, cựu Tổng trưởng Lao Động và Thanh Niên, Bác sĩ Phạm Hữu Chương, cựu Tổng trưởng Y Tế và Xã Hội và Luật sư Trần Văn Tuyên, cựu Tổng trưởng Thông Tin Tuyên Truyền. Trong nhóm này có 4 vị nguyên là tổng trưởng trong chính phủ Ngô Đình Diệm đầu tiên ngày 7 tháng 7 năm 1954, đó là các ông Trần Văn Đỗ (Ngoại Giao,) ông Phan Khắc Sửu (Canh Nông,) Phạm Hữu Chương (Xã Hội) và Nguyễn Tăng Nguyên (Lao Động và Thanh Niên.) Nhóm này gồm có đại diện của cả ba miền Nam Trung Bắc với 8 người miền Nam, 6 người miền Bắc và 4 người miền Trung.

Ngày 29 tháng 4 năm 1960, hai ông Phan Khắc Sửu và Trần Văn Văn đến Dinh Độc Lập để xin yết kiến Tổng Thống Ngô Đình Diệm và đệ trình bản tuyên ngôn này nhưng nhân viên trong Dinh Độc Lập nói rằng Tổng thống đi kinh lý và hai người này đã để lại bản điều trần nhờ đệ đạt lên tổng thống (Bác sĩ Phạm Hữu Chương sau này cho người

³⁷ Bernard Fall: “The Two Vietnam”

viết biết là sự thật thì TT Ngô Đình Diệm vẫn ở trong Dinh Độc Lập không có đi đâu cả.) Sau đó vào hồi 10 giờ sáng, nhóm Tự Do Tiến Bộ tổ chức một cuộc họp báo tại Khách sạn Caravelle với sự hiện diện của hầu hết báo chí ngoại quốc tại Sài Gòn. Ông Phan Khắc Sửu đại diện cho nhóm đã cho báo chí biết là ông và ông Trần Văn Văn đã đến Dinh Độc Lập để đưa bản tuyên ngôn này vào sáng hôm đó nhưng không được Tổng Thống Ngô Đình Diệm tiếp kiến.

Ông Phan Khắc Sửu tuyên bố rằng nhóm Tự Do Tiến Bộ sẽ xúc tiến thành lập một phong trào đối lập hợp pháp với chính phủ Ngô Đình Diệm và sau đó đã phân phát bản tuyên ngôn in bằng ronéo cho báo chí. Bản tuyên ngôn đó về sau được báo chí gọi là bản “*Tuyên ngôn Caravelle*” và nhóm Tự Do Tiến Bộ được gọi là “*Nhóm Caravelle*.”

Tháng 6 năm 1960, nhóm Caravelle lại mở một cuộc họp báo tại nhà Bác sĩ Trần Văn Đỗ để phổ biến hai bản kiến nghị gửi lên Tổng Thống Ngô Đình Diệm yêu cầu ban hành tự do báo chí và chấm dứt việc bắt người trái phép. Qua đến tháng 7 năm 1960, nhóm Caravelle lại mở một cuộc họp báo tại nhà ông Trần Văn Văn để thông báo việc nhóm này vừa gửi lên Tổng Thống Ngô Đình Diệm một bản kiến nghị mới yêu cầu chính phủ ngưng việc tiếp tục thành lập các khu trù mật.

Nhóm Caravelle đã gửi đến Tổng Thống Ngô Đình Diệm 4 bản điều trần và đang giao cho Bác sĩ Phạm Hữu Chương nghiên cứu việc chuẩn bị mở rộng thành phần thì xảy ra vụ đảo chánh rạng sáng ngày 11 tháng 11 năm 1960 do một số quân nhân như các Trung tá Nguyễn Triệu Hồng, Trung Tá Vương Văn Đông và Đại Tá Nguyễn Chánh Thi cầm đầu. Cuộc đảo chánh này thất bại vào ngày hôm sau và chiều hôm đó, 12 tháng 11 năm 1960, toàn thể nhóm Caravelle bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giam mặc dù nhóm Tự Do Tiến Bộ không hề có liên hệ gì đến cuộc đảo chánh này. Cụ Trần Văn Hương bị giam cho đến khi được phóng thích vào giữa năm 1961.

Phản Đối Chương Trình Khu Trù Mật

Tháng 6 năm 1960, nhóm Caravelle lại mở một cuộc họp báo tại nhà Bác sĩ Trần Văn Đỗ để phổ biến hai bản kiến nghị gửi lên Tổng Thống Ngô Đình Diệm yêu cầu ban hành tự do báo chí và chấm dứt việc bắt người trái phép. Qua đến tháng 7 năm 1960, nhóm Caravelle lại mở một cuộc họp báo tại nhà ông Trần Văn Văn để thông báo việc nhóm này vừa gửi lên Tổng Thống Ngô Đình Diệm một bản kiến nghị mới yêu cầu chính phủ ngưng việc tiếp tục thành lập các khu trù mật.

Khu trù mật (agroville) là việc xây dựng những thị trấn trong vùng hoang vu, dân cư thưa thớt, để tạo dựng một đơn vị hành chánh, gia cư, kinh tế, giáo dục, y tế và xã hội, để thu hút nông dân đang sống lẻ tẻ trong các vùng lân cận kéo về sống trong khu vực này để được hưởng nhiều tiện nghi hơn và đồng thời không còn bị Cộng sản kiểm soát, không còn bị cưỡng bách tiếp tế cho chúng. Khu trù mật kiểu mẫu đầu tiên được thành lập vào cuối thập niên 1950 đầu thập niên 1960 tại xã Vị Thanh thuộc quận Long Mỹ tỉnh

Phong Dinh, cách thị xã Cần thơ khoảng chừng 50 cây số, sau đó được gọi là Khu Trù Mật Vị Thanh-Hỏa Lựu. Quan niệm của chính quyền trung ương lúc đó là nhân dân “*tự nguyện*” bỏ công sức ra để xây dựng lên khu trú mật vì chính họ là những người sẽ được hưởng mọi tiện nghi này, tuy nhiên chính quyền địa phương đã bắt dân phải mang cơm gạo về xã Vị Thanh, đào kinh xói rạch, đắp đường, dựng cầu, xây nhà cả mấy tháng trời mà không có một phụ cấp nào. Đây là một hình thức mà dưới thời Pháp thuộc người dân gọi là “*đi làm trâu*,” ngoài vùng Cộng sản thì được gọi là “*dân công*.” Chính quyền địa phương vì quá háng say thực hiện công tác đúng theo hạn kỳ do trung ương ấn định, vì muốn lấy điểm với cấp trên cho nên đã bắt nông dân trong vùng “*tự nguyện*” ngay cả trong mùa lúa khiến cho nhân dân vô cùng bất mãn, tuy nhiên Tổng Thống Ngô Đình Diệm ở trong Dinh Độc Lập tại Sài Gòn không hề biết được hoặc không thêm biết đến những điều đó.

Ngày TT Ngô Đình Diệm về khánh thành khu trú mật Vị Thanh-Hỏa Lựu, ông tươi cười hơn hở, khoái chí vô cùng vì sáng kiến khu trú mật của ông thành công ngoài sức tưởng tượng với những căn nhà lá khang trang, với những gia đình nông dân da trắng nõn, các em thiếu nhi mập mạp khoẻ mạnh và cây cối quanh vườn mọi nhà đều đang đơm bông kết trái v.v. Để tưởng thưởng công trạng của người chịu trách nhiệm trong việc xây dựng khu trú mật Vị Thanh-Hỏa Lựu, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã đặc cách thăng thưởng Đại úy Trần Cửu Thiên, Quận trưởng Quận Long Mỹ lên cấp Thiếu tá và sau đó ít lâu lại thăng thưởng ông này về làm tỉnh trưởng tỉnh Cần Thơ. Tổng Thống Ngô Đình Diệm không hề biết rằng sau khi ông trở về Sài Gòn thì những nông dân, những thiếu nhi hôm đó cũng biến mất khỏi khu trú mật vì họ là quân nhân công chức và con em của họ từ Cần thơ và cả Sóc Trăng được đưa về để đóng kịch cho tổng thống, những vườn cây sai trái mấy hôm sau cũng héo khô vì người ta đã bứng những cây đang có trái đó từ vườn ra rồi trồng xuống để cho tổng thống thưởng lãm. Báo chí lúc bấy giờ đã gọi khu trú mật Vị Thanh-Hỏa Lựu là “*làng Potemkin*,” một loại làng mạc dỏm mà nhà cửa chỉ có mặt tiền do Thống chế Grigori Potemkin đã xây dựng lên để đánh lừa và lấy điểm với Đại Nữ Hoàng Catherine nước Nga hồi cuối thế kỷ thứ 18.³⁸

Theo ông Nguyễn Trân, cựu tỉnh trưởng Định Tường đã cho biết như sau về các khu trú mật của Tổng Thống Ngô Đình Diệm:

“Để thành lập khu trú mật, Tổng Thống Diệm đã ra lệnh cho dân chúng phá hoại mùa màng đang tươi tốt trên hàng trăm mẫu tây, kể cả nhà cửa và vườn trồng cây ăn trái để tập trung gia đình lại ở khu trú mật...”

*“Bị dân chúng chống đối mạnh khắp nơi, Tổng Thống Diệm ngưng việc làm các khu trú mật sau khi đã lập xong 26 khu để thay thế bằng chính sách Ấp Chiến Lược...”*³⁹

³⁸ Vào thời gian này, người viết đang làm việc tại Cần Thơ và có “bị tham gia” vào công tác xây dựng Khu Trù Mật Vị Thanh-Hỏa Lựu.

³⁹ Nguyễn Trân: “Công Hay Tội,” trang 331-332

Không hiểu vì lý do nào, dư luận báo chí, sự khuyến cáo của nhóm Caravelle hay một lý do nào khác, sau sự “*thành công*” của khu trù mật Vị Thanh-Hoả Lựu và một số khu khác, chính phủ Ngô Đình Diệm chấm dứt chương trình Khu Trù Mật và sau này khi thành lập tỉnh Chương Thiện, khu trù mật Vị Thanh trở thành tỉnh lỵ của tỉnh mới này.

Vào tháng 9 năm 2001, Tiến sĩ Lâm Lễ Trinh có cho đăng một bài nhan đề “*Mạn Đàm Với Bác Sĩ Nguyễn Lưu Viên*” trong Tạp chí Nhân Quyền. B.S. Nguyễn Lưu Viên, một thành viên trong nhóm Caravelle hiện nay đang sống tại tiểu bang California, đã nhắc lại rằng hồi năm 1960, nhóm Tự Do Tiến Bộ của ông không hề chống lại Quốc sách Ấp Chiến Lược của TT Ngô Đình Diệm, chỉ chống lại chương trình Khu trù mật mà thôi và việc chống đối này như vậy có đạt được kết quả.. Hiện nay dường như là chỉ có hai nhân vật trong nhóm Caravelle còn sống: Linh mục Hồ Văn Vui còn ở Việt Nam và Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên hiện sống tại tiểu bang California, Hoa Kỳ. Ước mong rằng Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên dành ít thì giờ để nói hay viết lại về những hoạt động của Nhóm Tự Do Tiến Bộ hồi cuối thập niên 1950 để cho các thế hệ tương lai có được cơ hội biết rõ hơn về cố gắng xây dựng một nhóm đối lập chính trị với mục đích công khai đối thoại với chính quyền của TT Ngô Đình Diệm hồi 1960 tại Sài Gòn.

Nhóm Caravelle không phải là những người duy nhất chống lại chương trình Khu Trù Mật. Một trong những người dám chỉ trích chương trình Khu trù mật trước mặt Tổng Thống Ngô Đình Diệm là Kiến Trúc sư Nguyễn Thụy, lúc bấy giờ đang giữ chức Giám Đốc Nha Chính Trang Lãnh Thổ Và Thiết Kế Thị Thôn tại Bộ Kiến Thiết. Kiến trúc sư Nguyễn Thụy tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, là bạn với Kiến Trúc sư Hoàng Hùng, Bộ Trưởng Kiến Thiết và những nhân vật đầu não trong Bộ Kiến Thiết như Kiến Trúc sư Vũ Đức Diên, Kiến trúc sư Ngô Thúc Trâm v.v.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm mời một phái đoàn của Bộ Kiến Thiết vào Dinh Độc Lập để tham khảo về khu trù mật, khi ông chỉ vào “*maquette*” khu trù mật Vị Thanh Hoả Lựu và hỏi ý kiến những vị kiến trúc sư đại diện cho Bộ Kiến Thiết nói trên, Kiến trúc sư Nguyễn Thụy đã trình bày với Tổng Thống Diệm rằng quan niệm “khu trù mật” rất hay, tuy nhiên trong bối cảnh miền Nam Việt Nam hồi đó thì không thực tế vì quá tốn kém về nhân lực, vật lực cũng như tài lực. Những khu trù mật như Vị Thanh- Hoả Lựu trên thực tế là những đô thị, do đó càng xây dựng nhiều chừng nào thì càng phải gia tăng các cơ quan hành chánh, y tế, giáo dục để phục vụ cho số dân chúng mới về tập trung tại đó, phải gia tăng các biện pháp an ninh để bảo vệ, có nghĩa là phải tăng cường quân đội, như vậy thì phải gia tăng ngân sách, đó là chưa kể đến sự chống đối của quần chúng bị bắt buộc phải đi xây dựng những khu trù mật này. KTS Nguyễn Thụy đề nghị nên xây dựng những “*ấp trù mật*” thay vì khu trù mật, vì ấp trù mật là những đơn vị nhỏ như một làng, một xã độ năm bảy chục cho đến một trăm nóc gia, không cần phải sử dụng một quân số lớn lao để bảo vệ an ninh và nếu có bị Cộng sản tấn công thì sự thiệt hại không nhiều lắm so với một khu trù mật. Ngoài ra KTS Nguyễn Thụy cũng có lưu ý Tổng Thống Diệm rằng trong “*maquette*” của khu trù mật Vị Thanh, chỉ có nhà thờ Thiên Chúa giáo mà lại không có chùa Phật Giáo trong khi đa số dân chúng trong vùng

này đa số không phải là người theo Thiên Chúa giáo. Tổng Thống Diệm quay sang khiển trách nhân vật phác họa đồ án khu trù mật và ra lệnh phải thêm một ngôi chùa vào khu trù mật này.

Kiến trúc sư Nguyễn Thụy kể lại cho người viết rằng sau khi nghe ông trình bày, TT Ngô Đình Diệm rất đăm chiêu, tuy nhiên sau đó ông không hề bị khiển trách gì cả. Người viết có hỏi Kiến trúc sư Nguyễn Thụy lý do tại sao ông dám phát biểu thẳng thắn như vậy vì hồi đó ai cũng biết chương trình Khu Trù Mật là một chương trình kiểu mẫu đang được chế độ ca tụng, ông đã nói với người viết rằng ông là một trong số rất ít người ở Việt Nam hồi đó có học hỏi và hiểu biết về môn “urbanisme” (chính trang lãnh thổ) mà không hề được hỏi ý kiến gì cho đến khi được mời vào Dinh Độc Lập và nhìn thấy mô hình của Khu trù mật Vị Thanh- Hoà Lộc. Ông Nguyễn Thụy nói rằng khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm hỏi ý kiến về một vấn đề có tính cách chuyên môn thì một giám đốc như ông có bổn phận phải trình bày quan điểm về chuyên môn của mình cho vị nguyên thủ quốc gia dù rằng ý kiến đó không phù hợp với ý kiến của người lãnh đạo. Kiến trúc sư Nguyễn Thụy cho biết rằng ít lâu sau đó, sau khi hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử oanh tạc Dinh Độc Lập, chính Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã chỉ định ông làm Giám đốc Công trường Xây Cát Dinh Độc Lập theo đồ án của Kiến trúc sư Ngô Viết Thu, điều đó cho thấy TT Ngô Đình Diệm không buồn phiền gì về việc ông đã có ý kiến không ủng hộ chương trình “Khu Trù Mật” trước đó.

Sau khi khu trù mật Vị Thanh được hoàn tất, chính quyền Ngô Đình Diệm ngưng không tiếp tục chương trình khu trù mật và ít lâu sau đó, chính phủ Ngô Đình Diệm ban hành “Quốc Sách Ấp Chiến Lược” để đối phó với sự gia tăng xâm nhập, khủng bố và tấn công của Cộng sản Bắc Việt. Chương trình Ấp Chiến Lược đã bị Trung Tướng Dương Văn Minh ra lệnh hủy bỏ vào ngày 3 tháng 11 năm 1963, ngay sau khi TT Ngô Đình Diệm bị giết chết.

Trong bài “Mạn Đàm Với BS Nguyễn Lưu Viên” của Tiến sĩ Lâm Lễ Trinh, Bác sĩ Viên không nói rõ lý do tại sao Nhóm Caravelle lại chống Chương trình Khu Trù Mật của TT Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên gần đây người viết có tìm được một bài viết của một vị quận trưởng thời đó, quận này chỉ cách Khu Trù mật Vị Thanh-Hoà Lộc khoảng chừng khoảng hơn năm chục cây số cho nên ông ta biết rất nhiều về khu trù mật và ông ta đã kể lại những điều ông trình bày trực tiếp cho TT Ngô Đình Diệm nghe tại Dinh Độc Lập vào khoảng đầu tháng 10 năm 1960. Đó là cựu Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa, cựu Quận Trưởng Bình Minh tỉnh Vĩnh Long và cựu Tỉnh Trưởng Vĩnh Long. Cách đây chừng vài năm, ông Dương Hiếu Nghĩa có viết một bài khá dài nói về cái chết của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, tuy nhiên trong đoạn mở đầu ông có kể lại lần đầu tiên ông vào trình diện ông Diệm trước khi được cử giữ chức vụ Quận Trưởng Bình Minh và đã trình bày ý kiến của ông về Khu Trù mật với TT Ngô Đình Diệm. Nhận thấy ý kiến của Đại Úy Dương Hiếu Nghĩa lúc đó có thể giúp cho người đọc bây giờ có thể hiểu được lý do tại sao hồi đó Nhóm Caravelle đã chống lại Chương trình Khu Trù mật, người viết xin trích đăng lại nguyên văn phần đối thoại đó dưới đây.

“Tổng Thống Ngô Đình Diệm hỏi: “Sao, Đại Úy thấy thế nào về Khu Trù Mật?”

“- Xin Tổng Thống cho phép tôi trình bày hết những nhận xét của tôi. Tôi dè dặt lễ phép hỏi.

“- Đại Úy cứ nói hết cho tôi nghe, tôi muốn nghe và muốn biết sự thật. Tổng Thống vừa cười vừa nói.

“Thấy không khí cởi mở và sự thật lòng muốn biết về thành quả của “Chiến lược Khu Trù Mật” mà Tổng Thống đang cho tiến hành, tôi quyết định phải lợi dụng cơ hội duy nhất và hiếm có này để thẳng thắn và vẫn tất trình bày những nhận xét của cá nhân tôi về mặt chính trị, kinh tế và những điểm bất lợi cho cả chính phủ lẫn nông dân ở địa phương, đang tạo hậu quả tai hại là sự thất nhơn tâm, vì người dân gặp quá nhiều phiền phức, mất niềm tin vào chính quyền. Tôi nói:

- Thưa Tổng Thống, các Khu trú mật thật sự không có trú mật chút nào. Về phương diện vật chất, người nông dân bị mất đất, mất ruộng, đôi khi còn mất cả mùa màng bị phá đi sạch sẽ, kể cả mồ mả của tổ tiên cho công tác xây cất Khu Trù mật mà không bao giờ được bồi thường thiệt hại. Người dân địa phương còn phải đóng góp công sức và thì giờ vào công tác mà không bao giờ được trả thù lao (coi như làm râu.) Có trú mật thiệt, nhưng chỉ có trú mật một buổi, vào ngày Tổng Thống xuống khánh thành mà thôi. Trước cả ngàn người dân quê từ các nơi trong tỉnh được huy động về để biến khu đất hoang thành Khu Trù Mật, bằng cách bứng đủ mọi loại cây ăn trái đem về trồng, trang trí để Tổng Thống và phái đoàn thưởng thức. Có nhiều cây đu đủ, cây cau mới trồng chỉ có một ngày mà đã lên cao tới 10 thước tây, đầy trái... Có nhiều cây bưởi “năm roi” của miền Tây mới trồng có một ngày mà đã có đầy bưởi ngọt Biên Hòa vàng ánh, không phải ghép cành mà là ghép trái! Cũng vậy, cam quýt trái mùa, nhờ kỹ thuật cao “gắn trái ngoài chợ vào” nên vẫn có trái đổ cây, đầy vườn, đầy khu...Khu phố chợ vừa mới xây cất xong mấy hôm trước, hôm qua còn tạm dùng làm chỗ ngủ cho dân công mà hôm nay đã có đầy đủ các hiệu chạp phô, tiệm thuốc tây, tiệm thuốc bắc, quán cơm, tiệm cà phê, phòng mạch bác sĩ v.v... từ quận, từ tỉnh mới dọn vào. Ngoài nhà lồng chợ thì cảnh buôn bán tấp nập. Nhà bảo sanh thì nơi hôm qua còn là phòng họp của ban điều hành buổi lễ khánh thành mà hôm nay đã có vài người mẹ nằm sanh (không biết từ đâu đưa tới), giường nệm trắng tinh tươm tất...

“Mới nhìn qua thì thật là trú mật, nhưng khi Tổng Thống và phái đoàn ra về rồi thì dân và hàng hóa đâu lại về đó. Vài ngày sau, hoang tàn trở lại với hoang tàn. Cây không trái, lá lià cành, không còn một sinh khí nào ở cái khu mà vừa mấy ngày trước đây Tổng Thống và phái đoàn chánh phủ, ngoại giao đoàn thấy là ...trú mật. Nếu Tổng Thống thật sự muốn thấy cảnh hoang tàn vắng vẻ này thì xin Tổng Thống bắt thần đi thăm viếng thử bất cứ khu trú mật nào mà Tổng Thống vừa đến khánh thành một hai ngày trước đó.”⁴⁰

⁴⁰ Dương Hiếu Nghĩa: “**Để Làm Sáng Tỏ Thêm Một Sự Việc Trong Ngày 2-11-1963 Về Cái Chết Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm**” trích đăng trong Đặc San Đồng Đế Nha Trang 2001, trang 70

Cựu đại Tá Dương Hiếu Nghĩa cho biết sau khi ông “thuyết trình” cho TT Ngô Đình Diệm về sự thật của Khu Trù Mật, ông Diệm “*ngồi nghe trình bày hơn nửa giờ và rất trầm tĩnh, lại còn có vẻ thích thú nữa.*” Một tuần sau ông nhận được lệnh bổ nhiệm làm Quận Trưởng Bình Minh kèm theo quyết định thăng cấp Thiếu tá. Điều này cho thấy TT Ngô Đình Diệm cũng “muốn nghe và muốn biết sự thật” và đó cũng là lý do tại sao nhóm Tự Do Tiến Bộ đã gửi đến Tổng Thống Ngô Đình Diệm bản điều trần chống lại Chương Trình Khu Trù Mật.

Nhóm Caravelle đã gửi đến Tổng Thống Ngô Đình Diệm 4 bản điều trần và đang giao cho Bác sĩ Phạm Hữu Chương nghiên cứu việc chuẩn bị mở rộng thành phần thì xảy ra vụ đảo chánh rạng sáng ngày 11 tháng 11 năm 1960 do một số quân nhân như các Trung tá Nguyễn Triệu Hồng, Trung Tá Vương Văn Đông và Đại Tá Nguyễn Chánh Thi cầm đầu. Cuộc đảo chánh này thất bại vào ngày hôm sau và chiều hôm đó, 12 tháng 11 năm 1960, toàn thể nhóm Caravelle bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giam mặc dù nhóm Tự Do Tiến Bộ không hề có liên hệ gì đến cuộc đảo chánh này. Cụ Trần Văn Hương bị giam cho đến giữa năm 1961.

Toà án Quân Sự Đặc Biệt Sài Gòn đã xử vụ Caravelle ngày 12 tháng 7 năm 1963 và đến tối hôm đó, Toà Án Quân sự đã tuyên bố tha bổng cho tất cả 18 nhân sĩ trong nhóm Caravelle. Riêng Cụ Phan Khắc Sửu, người đại diện cho nhóm Tự Do Tiến Bộ, thì lại bị truy tố thêm về vài tội danh khác là có liên quan đến cuộc đảo chánh 11-11-63 và liên can đến cuộc biểu tình của ông Phan Thông ngày 22-8-60. Cụ Sửu đã nói trước toà như sau: “

Nếu tôi có tội thì tôi chỉ có mỗi một tội, đó là tội đuổi Pháp để cướp lại Sài Gòn, tội vì dân tộc mà thôi.”⁴¹

Toà án quân sự đã xử Cụ Phan Khắc Sửu 8 năm cấm cố và bị đày đi Côn Đảo cho đến sau ngày đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963 mới được trả tự do.

Nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam cũng bị đưa ra toà án quân sự, tuy nhiên vào ngày 7 tháng 7 năm 1963, ông đã uống độc dược quyên sinh và để lại một lá thư tuyệt mệnh với câu trở thành bất hủ:

“Đời tôi chỉ có lịch sử mới có quyền xét xử, tôi không chịu để cho ai xử cả. Sự bất bớ và xử tội các phần tử đối lập quốc gia là một trọng tội sẽ làm cho đất nước mất vào tay Cộng sản. Tôi chống đối việc đó và tự hủy mình cũng như Hoà Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do....”

Nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam là một trong những nhà lãnh đạo của Đại Việt Quốc Dân Đảng, ông không phải là thành viên của nhóm Caravelle, tuy nhiên ông là bạn thân của gần như hầu hết các nhân vật trong nhóm này. Không đầy 4 tháng sau ngày ông Nguyễn Tường Tam tự vẫn, chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, anh em

⁴¹ Nguyệt Đạm và Thần Phong: sdd

ông Diệm bị giết và 12 năm sau đó thì Miền Nam Việt Nam bị mất vào tay Cộng sản đúng như sự tiên đoán của ông.

Tiện đây, người viết cũng xin kể thêm một chi tiết về vụ án này. Phiên Toà Quân sự Đặc biệt xử vụ Caravelle vào năm 1963 do ông Chánh Án Phạm Gia Hệ làm chánh thẩm và Hải Quân Thiếu Tá Đỗ Đăng Công làm phụ thẩm.

Đại Tá Đỗ Đăng Công tốt nghiệp cử nhân Luật Khoa tại Hà Nội và khi bị động viên vào quân đội thì ông thi vào học “*Commissaire navale*,” một chức vụ mà người viết không biết dịch bằng chữ gì vì trong hải quân Việt Nam không có chức vụ này. Trong khi chỉ cần có bằng tú tài II là được thi vào trường Sĩ quan Hải Quân Pháp ở Brest, nhưng muốn vào học *commissaire navale* phải có bằng cử nhân Luật khoa. Theo trí nhớ của người viết thì chỉ có 2 người Việt Nam được vào học trường này: Đại Tá Công tốt nghiệp vào đầu thập niên 1950 và sau ông ít lâu thì có thêm một người nữa được vào học trường này. Nhân vật thứ hai sau khi về nước lại không phục vụ trong Hải Quân Việt Nam mà lại làm Giám Đốc Công ty Đường tại Khánh Hội. Nhân vật này về sau rất nổi tiếng vì theo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam rồi giữ chức vụ Bộ Trưởng Tư Pháp của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời, nhưng chỉ một thời gian ngắn sau khi Cộng sản thôn tính được miền Nam thì ông tính mạng rồi trốn sang Pháp và đã viết một cuốn hồi ký vạch trần sự thật về vai trò của Mặt Trận Giải Phóng cũng như là Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời chỉ là một công cụ của Cộng sản Hà Nội. Cuốn sách này lấy tên là “*Hồi ký của một Việt Cộng*” được nổi tiếng khắp thế giới và tác giả là ông Trương Như Tảng, cựu sinh viên trường *Commissaire Navale*.

Sau này, vào cuối thập niên 1960, người viết được phục vụ trong một cơ quan về liên lạc quốc tế cùng với Đại Tá Đỗ Đăng Công và trong một dịp tham dự một cuộc hội nghị ở Nhật Bản, Đại Tá Công có cho người viết biết thêm một chi tiết đặc biệt khi đề cập đến chuyện nhà văn Nhất Linh tự tử vào ngày 7 tháng 7 năm 1963, chỉ có 5 ngày trước vụ án. Đại Tá Công nói với người viết rằng ông rất kính mến và khâm phục nhà văn Nhất Linh từ thời còn là học sinh và sinh viên ở Hà Nội, tuy nhiên ông rất tiếc về cái chết của nhà văn Nhất Linh vì nếu chỉ đợi thêm 5 ngày nữa thôi thì ông ta đã không phải tự tử. Đại Tá Đỗ Đăng Công nói với người viết rằng ngày 11 tháng 7 năm 1963, ông có nhận được chỉ thị từ “*thượng cấp*” là phải dùng chiến thuật “*Giơ cao đánh khẽ*” trong phiên toà ngày hôm sau: phe công tố phải buộc tội thật gắt gao tuy nhiên cuối cùng thì hai ông Chánh thẩm và Phụ thẩm phải tuyên bố tha bổng tất cả các bị can thuộc nhóm Caravelle. Đại Tá Công nói rằng nếu toà Quân Sự Đặc Biệt tuyên án tha bổng các vị trong nhóm Caravelle thì nhà văn Nhất Linh dù không ở trong nhóm này nhưng mà cũng được tha bổng, như vậy không có lý do gì mà nhà văn nổi tiếng này lại tự quyên sinh khiến cho đất nước sau này mất đi một nhân tài. Đại Tá Công cũng cho biết rằng nạn nhân của vụ án này là Thiếu Tá Lê Nguyên Phu, Công Tố viên tức là người đứng ra kết tội các vị này. Ông đã nhận được lệnh trên phải lên án tối đa và ông đã hoàn thành nhiệm vụ đó, tuy nhiên sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, ông này đã gặp rất nhiều khó khăn cho nên phải từ giã quân đội ra mở văn phòng luật sư và vì

dân chúng còn nhớ đến sự buộc tội của ông cho nên văn phòng luật sư của ông cũng không mấy thành công.

Sau cuộc đảo chánh năm 1963, có nhiều nhân vật trong nhóm Caravelle đã được cử giữ nhiều chức vụ quan trọng trong guồng máy chính quyền như Cụ Phan Khắc Sửu làm quốc trưởng, Cụ Trần Văn Hương hai lần làm thủ tướng, làm phó tổng thống rồi làm tổng thống, Bác sĩ Phan Huy Quát làm ngoại trưởng rồi làm thủ tướng, bác sĩ Trần Văn Đỗ làm ngoại trưởng nhiều lần, bác sĩ Nguyễn Lưu Viên làm tổng trưởng và phó thủ tướng trong nhiều chính phủ thời đệ nhị Cộng Hoà và ông Trần Văn Văn, sau này được bầu làm Chủ tịch Quốc Hội Lập Hiến năm 1967 và bị Cộng sản ám sát tại Sài Gòn trong năm đó. Ông là thân phụ của ông Trần Văn Bá, chủ tịch Tổng hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, về Việt Nam tranh đấu chống lại Cộng sản sau năm 1975, ông đã bị bắt và bị Cộng Sản Việt Nam xử tử vào khoảng năm 1977 tại Sài Gòn.

Cụ Hương: Lúc nào tôi cũng trọng Cụ Diệm

Sau vụ Caravelle, chính quyền của ông Diệm đã giam cầm cụ Trần Văn Hương gần cả năm trời sau vụ đảo chánh hụt ngày 11 tháng 11 năm 1960, ngoài ra trước đó, chính phủ đã ngưng không cấp giấy phép chuyển ngân cho con trai của cụ đang du học ở Pháp khiến cho ông Đính phải vừa đi làm vừa đi học vô cùng vất vả ở xứ người, chính phủ không cho cụ được hưởng tiền hưu trí trong suốt mấy chục năm dạy học thời Pháp thuộc dù rằng đó là một biện pháp không đúng luật vì bất cứ người nào đi làm việc cho nhà nước thì đều có quyền phải được hưởng hưu bổng do họ đóng góp và sau cùng đó là việc bị đòi lại ngôi nhà đã cấp cho cụ khi làm đô trưởng Sài Gòn...

Vào thời trước năm 1975, các chính phủ Việt Nam thường có thông lệ là cấp công thự cho các nhân viên cao cấp như tổng bộ trưởng, đô trưởng, tổng giám đốc v.v. cư ngụ, tuy nhiên sau khi các vị này từ chức hay bị ngưng chức thì một số vẫn còn được tiếp tục sống trong những công thự đó. Theo trí nhớ của người viết thì Bác sĩ Phan Huy Quát, cựu Tổng Trưởng Giáo Dục, cựu Tổng Trưởng Quốc Phòng từ thời Quốc Trưởng Bảo Đại và cựu Tổng Trưởng Ngoại Giao, cựu Thủ Tướng thời 1964-1965, đã được cấp một công thự ở đường Hiền Vương và gia đình ông vẫn tiếp tục sống trong công thự đó cho đến năm 1975 dù rằng ông không còn ở trong chính quyền sau khi từ chức thủ tướng vào năm 1965. Trung Tá Phạm Văn Liễu khi được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc Cảnh Sát vào năm 1965 và trong chức vụ này, ông được cấp một công thự trên đường Công Lý, vậy mà sau khi ông rời khỏi chức vụ này khoảng hơn một năm sau đó, Đại Tá Phạm Văn Liễu vẫn còn được tiếp tục sống trong căn nhà này cho đến năm 1975.

Như vậy, việc chính phủ của Tổng Thống Diệm đòi lại căn nhà cấp cho Đô Trưởng Trần Văn Hương ngay sau khi ông từ chức tuy là hợp pháp nhưng nhiều người cũng thấy rõ đó là một hành động không mấy đẹp đối với ông cựu Đô Trưởng Sài Gòn. Trong bài thơ *Năm Mươi Lăm Tuổi Tự Thuật* đã trích dẫn ở đoạn trên, cụ có cho biết về việc bị đòi nhà: “*Còn nước lo chi chẳng có nhà!*” Cụ Trần Văn Hương tiên đoán rất đúng vì tuy

suốt đời cụ không hề sở hữu một căn nhà nào, cụ chỉ ở trọ nhà của bạn bè hay học trò cũ, tuy nhiên “*nước Việt Nam Cộng Hoà còn đó*” cho nên trong mười mấy năm sau cùng của cuộc đời, cụ đã sống trong một công thự do chính phủ Việt Nam Cộng Hoà cấp cho đến khi từ trần.

Vì sự bất đồng chính kiến với chế độ Ngô Đình Diệm cũng như là những khó khăn đối với cá nhân cụ như vậy, nhiều người đã tưởng rằng cụ Trần Văn Hương không có cảm tình với Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Điều này đã được một nhân vật được xem như là rất trung thành với Tổng Thống Diệm là Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ, cựu Tham Mưu Trưởng Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống thời Đệ Nhất Cộng Hoà cho biết rằng không đúng. Đại Tá Duệ về sau phục vụ ở Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị và có lần đã được gặp và nói chuyện với Phó Tổng Thống Trần Văn Hương nhân dịp quyên tiền cho Quỹ Cây Mùa Xuân Chiến Sĩ. Trong dịp này, Đại Tá Duệ cho biết nhân lúc cụ Hương vui vẻ và cởi mở, ông đã hỏi cụ Hương như sau:

“Thưa Cụ, cháu xin phép được hỏi thêm: Cụ nghĩ sao về Tổng Thống Diệm?”

Ông Gật gù suy nghĩ và trả lời:

“Tôi lúc nào cũng trọng cụ Diệm và biết cụ là người yêu nước, thương dân. Tôi cũng từng cộng tác với cụ, nhưng rất tiếc tôi có những điều không đồng ý với cụ, nhất là với ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu. Sau này khi đảo chánh xảy ra cho đến bây giờ, tôi vẫn tiếc thương về cái chết của cụ Diệm.”⁴²

Đối với một người cầm đầu một chế độ đã gây cho cá nhân cụ nhiều bất công như vậy thì câu trả lời của Phó Tổng Thống Trần Văn Hương quả là thái độ hiếm có của một kẻ sĩ Miền Nam.

(Còn tiếp)

Trần Đông Phong

(Trên đây chỉ là một đoạn ngắn nói về một vài giai đoạn trong cuộc đời của Cụ Trần Văn Hương trích trong cuốn sách KỂ SĨ CUỐI CÙNG, VIỆT NAM 1945-1975 sẽ được xuất bản trong một ngày gần đây).

⁴² Nguyễn Hữu Duệ: “*Nhớ lại những ngày ở cạnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm*,” tác giả xuất bản, San Diego 2003, trang 210